



Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành

21/6D Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3589 4287 • Fax: 08. 3589 4288

www.goducthanh.com • www.winwintoys.com

Thông tin chi tiết của Báo cáo thường niên này xin xem tại các trang web trên.
Bản quyền của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành.

 **CÔNG TY CỔ PHẦN
GỖ ĐỨC THÀNH**
www.goducthanh.com Mã CK: GDT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | **2014**
Annual Report

NỘI DUNG

• Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	3
• Tổng quan	
✓ Chiến lược kinh doanh	4
✓ Sứ mệnh và tầm nhìn	5
✓ Tổng hợp những nét chính	6
• Giới thiệu về công ty	
✓ Thông tin chung	8
✓ Chính sách chất lượng	9
✓ Khách hàng và mạng lưới phân phối	10
✓ Sản phẩm của công ty	12
✓ Quá trình hình thành và phát triển công ty	17
✓ Các thành tích	18
• Báo cáo của Hội đồng quản trị	22
• Báo cáo của Ban Điều Hành	27
✓ Tổng kết hoạt động năm 1014	28
✓ Định hướng hoạt động năm 2015	32
• Báo cáo của Ban Kiểm Soát	36
• Các thông tin về cổ đông	42
• Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán	46

CONTENTS

• Chairwomen's statement	69
• Board of Directors Report	72
Summary of Activities	74
• Board of Executives Report	79
✓ Review of business operation in 2014	80
✓ Business plan for 2015	83
• Board of Supervisors Report	85
• Shareholder structure and corporate governance	90
• Audited Financial Statement	92





Bà Liễu vui mừng báo cáo với Bà về kết quả của Đức Thành **2014**

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Trưởng thành và kế thừa nền tảng truyền thống tốt đẹp từ doanh nghiệp gia đình, trải qua quá trình cổ phần hóa để trở nên năng động và minh bạch hơn trong sự tin nhiệm của đối tác và các cổ đông, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành đã có hơn 24 năm hoạt động và phát triển không ngừng. Các thương hiệu của công ty Gỗ Đức Thành đã trở nên vững mạnh trong nước và vươn ra thế giới, khẳng định được vị trí của mình trong ngành hàng đồ gỗ Việt Nam.

Kính thưa Quý vị!

So với những năm gần đây thì năm 2014 là năm Việt Nam vượt chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế. Kinh tế vĩ mô khá ổn định, lạm phát đứng ở mức thấp, lãi suất phù hợp và tỷ giá được điều chỉnh nhẹ. Nhưng ngược lại cũng có không ít khó khăn, thách thức như: Tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng, nhu cầu nội địa phục hồi chậm; Xung đột mâu thuẫn xảy ra ở nhiều nơi, đặc biệt căng thẳng trên biển Đông... Trước tình hình đó, mặc dù thống kê cho thấy kinh tế Việt Nam đã xuất hiện dấu hiệu phục hồi, nhưng năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế vẫn chưa mấy được cải thiện.

Đứng trước những khó khăn chung của nền kinh tế năm 2014, chúng tôi đã vận dụng triệt để phương châm “Nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng. Giữ uy tín chính là giữ khách hàng”. Chúng tôi vẫn luôn duy trì phương thức hoạt động kinh doanh không từ bỏ bất kỳ đơn hàng nào dù đó là đơn hàng nhỏ; Không tập trung vào riêng một thị trường nào mà thực hiện đơn hàng với mọi đối tác trong và ngoài nước; Luôn tạo dựng hình ảnh thương hiệu tốt, duy trì, chăm sóc các mối quan hệ đã có và mở rộng tìm kiếm thêm nguồn khách hàng mới; Linh hoạt áp dụng mức giá phù hợp đối với từng đối tác v.v... Nhờ biết áp dụng các yếu tố đó mà Gỗ Đức Thành đã vượt qua những khó khăn, khủng hoảng của nền kinh tế vốn dĩ liên tục biến thiên.

Lại một năm nữa, tôi vô cùng tự hào và sung sướng khi công bố các số liệu mà công ty đạt được vượt ra ngoài kế hoạch ban đầu đề ra. Theo đó, doanh thu toàn Công ty năm 2014 đạt hơn 264 tỷ, tăng 11,3% so với cùng kỳ và tăng 4,5% so với kế hoạch cả năm 2014. Lợi nhuận trước thuế tăng đến 29,8% so với cùng kỳ, đồng thời tăng 16,8% so với kế hoạch cả năm 2014. Có thể nói, những con số ấn tượng này đã khiến mỗi thành viên trong chúng ta đều phấn khởi, bên cạnh đó cũng cho thấy sự nỗ lực, phấn đấu của toàn thể anh em trong năm qua đã được bù đắp.

Để có được những con số hấp dẫn như đã nêu trên, chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến các nhà phân phối, đại lý, các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, các cổ đông đã đồng hành cùng với chúng tôi trong suốt hơn 24 năm qua. Bên cạnh đó, tôi cũng không quên nhắc đến công sức, sự nỗ lực, quyết tâm làm việc đến cùng của nhiều thế hệ CB-CNV; sự linh hoạt, quyết đoán của Ban điều hành cùng sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT.

Lật sang trang mới 2015, kinh tế thế giới dự kiến sẽ phục hồi mạnh hơn, tăng trưởng toàn cầu được dự báo tăng so với năm 2014. Song bên cạnh đó tình hình chính trị vẫn còn nhiều biến động: cuộc khủng hoảng và cuộc chiến chống Nhà nước Hồi giáo IS ở Trung Đông, cấm vận của phương Tây với Nga... sẽ tác động đến nền kinh tế toàn cầu. Vì vậy, chúng ta không nên ngủ quên trong chiến thắng mà phải liên tục đề phòng những tình huống bất trắc có thể xảy ra. Dẫu rằng thị trường vẫn sẽ có những biến động nhưng tôi tin với bản lĩnh kinh doanh và ý chí quyết tâm giữ vững truyền thống, nét văn hóa kinh doanh trong nhiều năm nay của mình thì Đức Thành ắt hẳn sẽ gạt hái được những thành công mới.

Quý Cổ đông thân mến!

Với kết quả đạt được trong năm qua, tôi không còn lo lắng hay nghi ngờ gì nữa về khả năng lãnh đạo của đội ngũ Ban điều hành trẻ. Qua 3 năm chuyển giao trọng trách cho anh em, đến nay tôi nhận thấy toàn thể Cán bộ lãnh đạo, công nhân viên trong công ty đã thật sự đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực hết mình... để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, nên tôi hoàn toàn yên tâm đặt niềm tin vào lực lượng kế thừa này.

Lời cuối cùng, tôi thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành, xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể CB-CNV đã đóng góp, đồng hành cùng con đường phát triển của Công ty trong nhiều năm qua. Với chiến lược và triết lý kinh doanh hướng tới giá trị đích thực cho khách hàng mà Gỗ Đức Thành đã chọn và thực hiện trong nhiều năm qua, tôi tin rằng chúng ta có đủ cơ sở để tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định trong các năm tới.

Để chuẩn bị cho những vận hội mới trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới, Gỗ Đức Thành rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác chặt chẽ của quý vị, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hy vọng, khi hội tụ được sức mạnh của tập thể thì chúng ta sẽ tiếp tục tìm thấy những thắng lợi mới.

TM. Hội đồng Quản trị

LÊ HẢI LIỄU



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của GDT đã được xây dựng xuyên suốt trong quá trình hoạt động từ ngày đầu thành lập đến nay là : Luôn tập trung tạo dựng vị thế của mình trên thương trường như một nhà sản xuất **Số 1** về đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em được làm từ các loại gỗ cây trồng mà chủ yếu là gỗ cao su.

Gỗ Đức Thành biết vận dụng và phát huy tối đa những tiềm lực sẵn có của mình, cam kết sẽ luôn mang lại sự an tâm cho khách hàng và nhà đầu tư thông qua các chiến lược kinh doanh cốt lõi :

- | | |
|--|---|
| <p>1 Xây dựng thương hiệu số 1 tại Việt Nam về đồ dùng nhà bếp, đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em từ các loại gỗ cây trồng.</p> <p>2 Luôn đáp ứng được các đơn hàng gấp và các đơn hàng lớn, do tận dụng thế mạnh về nguyên liệu và quản lý sản xuất tốt.</p> <p>3 Chấp nhận các đơn hàng nhỏ nhưng có giá bán cao, nhằm khai thác tối đa tiềm lực của Công ty.</p> | <p>4 Cạnh tranh bằng chất lượng và thời gian giao hàng, không cạnh tranh bằng giá cả thấp để bảo toàn tỉ suất lợi nhuận.</p> <p>5 Hợp tác, liên kết với các đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định với giá cả hợp lý.</p> <p>6 Sử dụng hợp lý nhất các nguồn lực về quan hệ, về nhân sự, tài chính, đất đai... cho mục tiêu phát triển dài hạn.</p> |
|--|---|

Ngoài ra, để đạt được lợi nhuận tối đa và phòng tránh những rủi ro trong kinh doanh, GDT đã thực hiện tốt chiến lược đa dạng hóa thị trường bao gồm cả nội địa, xuất khẩu và đặc biệt là không từ chối các đơn hàng nhỏ lẻ nhưng có tỉ suất lợi nhuận cao.



SỨ MỆNH VÀ TẦM NHÌN CỦA CHÚNG TÔI

- Là công ty có trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng và luôn có ý thức quan tâm bảo vệ môi trường.
- Là nhà sản xuất luôn giữ đúng cam kết về chất lượng và thời hạn giao hàng với cả khách hàng xuất khẩu lẫn nội địa.
- Là người sử dụng lao động có trách nhiệm, luôn quan tâm đến lợi ích và sự phát triển của từng thành viên trong công ty.
- Là khách hàng luôn đồng hành và luôn giữ đúng cam kết về thanh toán đối với các nhà cung cấp.
- Là doanh nghiệp luôn chú trọng để đem lại các lợi ích dài hạn và thỏa đáng cho tất cả các cổ đông.
- Giúp cuộc sống người Việt tiện nghi hơn với những sản phẩm gia dụng và đồ chơi bằng gỗ hữu ích, đẹp, bền và an toàn.

Mục tiêu sắp tới của chúng tôi là: sẽ nâng cao hình ảnh thương hiệu, giúp đưa sản phẩm của GDT đến với mọi đối tượng khách hàng; giữ vững vị trí của mình là nhà sản xuất đồ dùng nhà bếp và đồ chơi bằng gỗ hàng đầu tại Việt Nam.



DOANH THU (TỶ VNĐ)

LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VNĐ)

ROE

ROA


Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu (tỷ VNĐ)	174,3	175,0	219,7	231,3	237,4	264,1
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	30,8	33,7	42,8	38,3	36,4	51,6
ROE (LN trên vốn CSH)	26,56%	25,96%	28,80%	24,09%	21,68%	27,29%
ROA (LN trên tổng tài sản)	17,21%	17,32%	21,44%	16,53%	13,96%	18,01%

Trong năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thử thách, GDT vẫn cố gắng duy trì kết quả kinh doanh hiệu quả:

- Tổng doanh thu tăng 11,3% so với năm 2013, vượt 4,5% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế vượt 15,3% so với kế hoạch năm.

• **Giá trị cốt lõi của Gỗ Đức Thành : Ổn định, hiệu quả & bền vững.**

ĐVT: 1.000 đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu thuần	174.267.882	175.017.411	219.685.394	231.283.510	237.366.929	264.079.192
Lãi gộp	64.307.151	64.983.292	73.327.592	69.262.391	80.574.288	91.832.597
LN thuần từ SXKD	37.389.385	38.712.660	47.215.896	45.929.782	50.780.565	64.366.965
Tổng lợi nhuận trước thuế	37.826.849	41.463.249	49.289.779	47.076.876	51.708.395	67.099.418
Thuế phải đóng	7.001.401	7.804.185	6.528.330	8.774.013	15.344.628	15.468.654
Lợi nhuận sau thuế	30.825.448	33.659.064	42.761.449	38.302.863	36.363.767	51.630.764
Tỷ lệ lãi gộp/DT thuần	36,9%	37,1%	33,4%	29,9%	33,9%	34,8%

Bảng cân đối tài sản	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tổng tài sản	195.960.187	192.721.282	206.247.795	257.095.672	263.766.525	309.707.879
Vốn điều lệ	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	10.162.730	10.372.365	10.372.365	10.372.365	10.372.365	10.372.365
Vốn chủ sở hữu	119.692.652	139.613.444	157.354.019	160.709.501	174.766.634	203.601.301

Các chỉ tiêu khác	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Cơ cấu tài sản						
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	50,72%	51,67%	57,94%	66,67%	71,12%	74,47%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	49,28%	48,33%	42,06%	33,33%	28,88%	25,53%
Cơ cấu nguồn vốn						
Nợ phải trả / Tổng tài sản	38,92%	27,56%	23,71%	37,49%	33,74%	34,26%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	61,08%	72,44%	76,29%	62,51%	66,26%	65,74%

Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản BQ	17,21%	17,32%	21,44%	16,53%	13,96%	18,01%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH BQ	26,56%	25,96%	28,80%	24,09%	21,68%	27,29%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn điều lệ	29,72%	32,45%	41,23%	36,93%	35,06%	49,78%
Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	17,69%	19,23%	19,46%	16,56%	15,32%	19,55%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	3.033	3.245	4.123	3.693	3.506	4.978



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : Công ty Cổ Phần Chế biến Gỗ Đức Thành
 Tên viết tắt : Công ty CP Gỗ Đức Thành
 Mã số DN : 0301449014
 Ngày thành lập : 19/5/1991

Thông tin cổ phiếu

Sàn niêm yết : HOSE
 Mã chứng khoán : GDT
 Ngày bắt đầu niêm yết : 17/11/2009
 Vốn điều lệ : 103.723.650.000 đồng
 Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng
 Số lượng CP niêm yết : 10.372.365 cổ phiếu

Trụ sở chính và nhà máy ở TP HCM

Địa chỉ : 21/6D Phan Huy Ích, P. 14, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
 Email liên hệ : info@goducthanh.com
 Điện thoại : (08) 3589 4287 • Fax: (08) 3589 4288
 Website : www.goducthanh.com
 Diện tích : 7.600 m²
 Công suất : 5.000 m³ gỗ thành phẩm/năm

Nhà máy ở Bình Dương

Địa chỉ : Khu phố Tân Hội, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
 Điện thoại : (0650) 363 1491 • Fax: (0650) 363 1490
 Diện tích : 38.000 m²
 Công suất : 20.000 m³ gỗ thành phẩm/năm

Mạng lưới cửa hàng chuyên biệt:

• Winwinshop Nguyễn Văn Trỗi

Địa chỉ : 172 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q. Phú Nhuận
 Điện thoại : (08) 3844 0721 • Fax: (08) 3844 0722
 Email liên hệ : wwsnt@winwinshop.com.vn
 Website : www.winwinshop.com.vn



• Winwinshop Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ : 021 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Q.7
 Điện thoại : (08) 5412 2644 • Fax: (08) 5412 3790
 Email liên hệ : wwspmh@winwinshop.com.vn
 Website : www.winwinshop.com.vn



Và hơn 1.000 cửa hàng, đại lý phân phối trên toàn quốc

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Văn hóa sản xuất ở Gỗ Đức Thành

“Nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng”
“Giữ uy tín chính là giữ khách hàng”.

Công ty luôn giữ đúng cam kết về **chất lượng** và **thời gian giao hàng**, điều này đã giúp chúng tôi phát triển bền vững đến ngày hôm nay.

Gỗ Đức Thành đã đạt chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 từ nhiều năm nay. Hơn thế nữa, GDT đã xây dựng đội ngũ với mỗi CB-CNV đều là một nhân viên kiểm tra chất lượng. Họ được khuyến khích phát huy sáng kiến và những sáng kiến tốt đều được đề cao và đưa vào vận dụng thực tiễn.

Các sản phẩm của GDT dù Xuất khẩu hay bán Nội địa đều có duy nhất một chất lượng và đều đạt chứng nhận chất lượng của nước sở tại.

Đối với các sản phẩm đồ dùng nhà bếp đã đạt Chứng nhận hợp quy, an toàn thực phẩm; Chứng nhận an toàn vì sức khỏe cộng đồng.v.v... Riêng mặt hàng đồ chơi Winwintoy từ lâu cũng đã đạt chứng nhận dấu CE (theo tiêu chuẩn châu Âu) và chứng nhận dấu CR (an toàn theo quy chuẩn Việt Nam). Ngoài ra, cả thớt và đồ chơi trẻ em đều vinh dự lọt vào Top 100 sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em và được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền.

Bên cạnh đó, do luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất, chất lượng nguyên liệu, độ an toàn... nên GDT đã đạt được Giải thưởng “Doanh nghiệp xanh” do UBND TPHCM phối hợp cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tặng. Giải thưởng như một nguồn động viên lớn cho Đức Thành trong việc tạo ra những sản phẩm xanh, sạch cho xã hội.



CÁC KHÁCH HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH



MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI SẢN PHẨM TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Cửa hàng đồ chơi : 748

- Bắc Giang, Thái Nguyên Cao Bằng, Lào Cai: 6 CH
- Vĩnh Phúc, Điện Biên Tuyên Quang, Phú Thọ: 9 CH
- Quảng Ninh, Hải Dương Hải Phòng: 11 CH
- Hà Nội, Hà Nam: 87 cửa hàng
- Ninh Bình, Nam Định Hà Tĩnh: 4 CH
- Thanh Hóa, Nghệ An Quảng Bình: 12 CH
- Huế, Đà Nẵng Quảng Nam: 39 CH
- Quảng Trị, Lâm Đồng Đắk Lắk: 27 CH
- Quảng Ngãi, Bình Thuận Bình Định: 14 CH
- Gia Lai, Phú Yên Khánh Hòa: 18 CH
- Kon Tum, Đắk Nông Ninh Thuận: 9 CH
- Đồng Nai, Bình Dương Vũng Tàu: 79 CH
- Bình Phước Tây Ninh: 13 CH
- TP. Hồ Chí Minh: 369 cửa hàng
- Long An, Vĩnh Long Bến Tre: 12 CH
- Tiền Giang, Hậu Giang An Giang: 11 CH
- Cần Thơ, Trà Vinh Sóc Trăng, Cà Mau: 12 CH
- Bạc Liêu, Đồng Tháp Kiên Giang: 16 CH

Cửa hàng gia dụng : 547

- Hòa Bình, Lào Cai Lạng Sơn, Quảng Ninh: 6 CH
- Hưng Yên, Vĩnh Phúc Hà Giang: 4 CH
- Hà Nội: 77 cửa hàng
- Bắc Ninh, Nam Định Ninh Bình: 6 CH
- Hải Phòng, Hải Dương Hà Tĩnh: 9 CH
- Nghệ An, Thanh Hóa Quảng Trị: 16 CH
- Quảng Bình, Huế Đà Nẵng: 17 CH
- Bình Định, Khánh Hòa Lâm Đồng: 18 CH
- Đắk Lắk, Gia Lai Kon Tum: 8 CH
- Phú Yên, Quảng Nam Quảng Ngãi: 7 CH
- Ninh Thuận, Bình Thuận Bình Phước: 8 CH
- Vũng Tàu, Đồng Nai Bình Dương: 24 CH
- TP. Hồ Chí Minh: 309 cửa hàng
- Tây Ninh, Long An Vĩnh Long: 4 CH
- Tiền Giang, Hậu Giang An Giang: 10 CH
- Cần Thơ, Bến Tre, Sóc Trăng: 9 CH
- Đồng Tháp Bạc Liêu: 8 CH
- Kiên Giang Cà Mau: 7 CH

Tổng cộng : 1.295



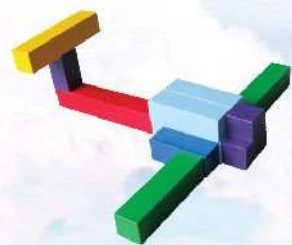


Gõ Đức Thành

**Thớt gỗ sạch Đức Thành
bảo vệ bữa ăn gia đình bạn**

Gõ Đức Thành
Thớt gỗ sạch Đức Thành
bảo vệ bữa ăn gia đình bạn

Đồ chơi bằng gỗ



WINWINTOYS



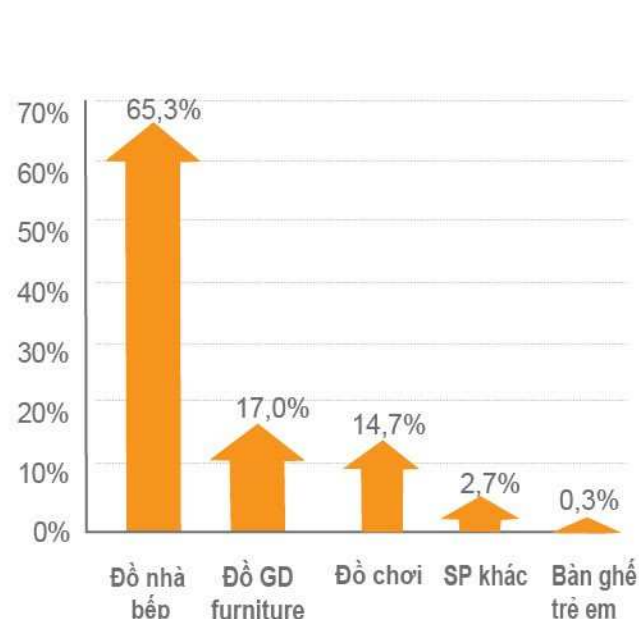
ĐỒ CHƠI BẰNG GỖ

- VỪA CHƠI, VỪA HỌC
- KÍCH THÍCH TRÍ TƯỞNG TƯỢNG, TƯ DUY LOGIC
- THÔNG MINH, SÁNG TẠO

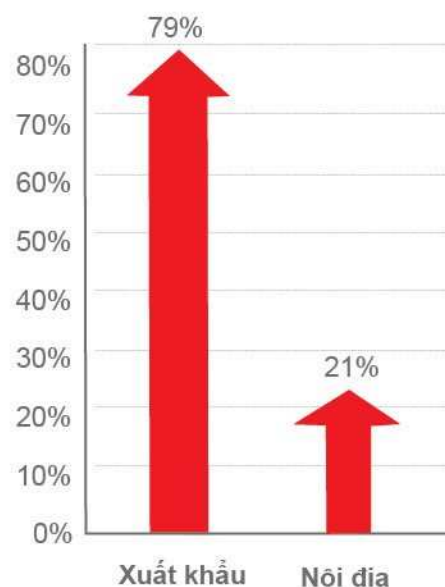


CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2014

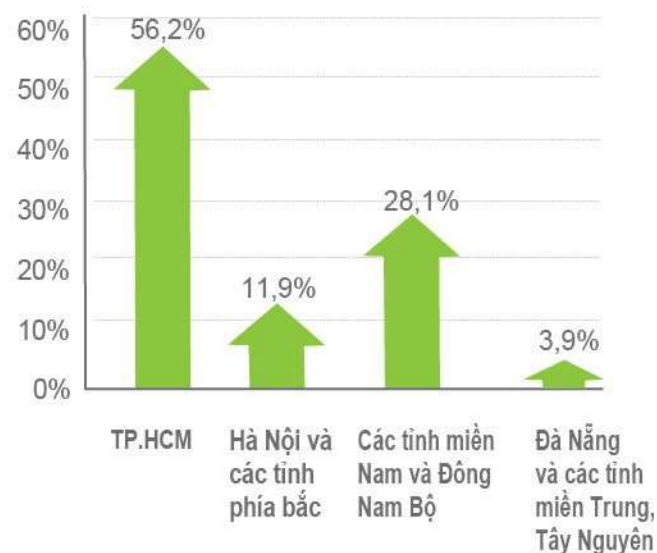
Theo nhóm hàng



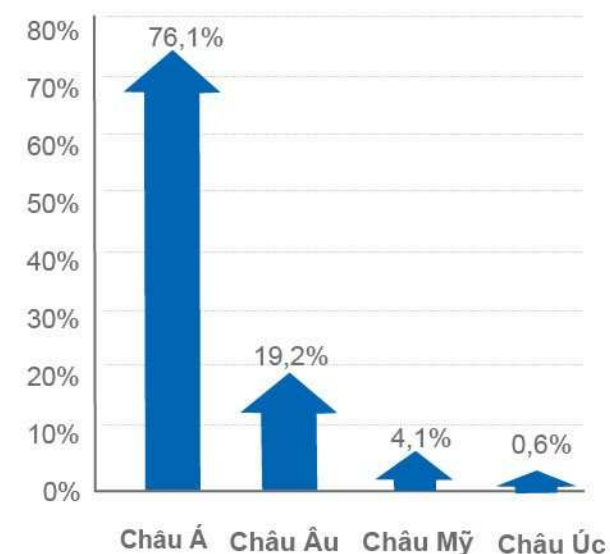
Theo thị trường



Theo thị trường nội địa



Theo thị trường xuất khẩu



Việc cung ứng cho khách hàng **đa dạng** ở khắp các châu lục, ở nội địa lẫn xuất khẩu... là bí quyết để phòng ngừa mọi rủi ro trong kinh doanh

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- 2014** Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng mở rộng ở Tân Uyên, Bình Dương, nâng tổng diện tích nhà xưởng lên 38.000 m².
Quý Elite (Phần Lan) đã đầu tư thêm vào GDT, nâng mức nắm giữ lên 1.035.000 CP.
- 2013** Tháng 9/2013, Quý Elite (Phần Lan) chính thức đầu tư vào GDT, hiện đang nắm giữ 837.360 CP và trở thành cổ đông lớn của GDT.
- 2012** Ngày 21/11/2012, Quý PENM, quản lý bởi Bankinvest, sau 5 năm đầu tư vào GDT đến nay đã thoái vốn hết theo kế hoạch.
Tháng 12/2012, mua thêm gần 8.000 m² đất để mở rộng nhà xưởng ở Tân Uyên, Bình Dương.
- 2011** Ngày 19/5/2011, Công ty Gỗ Đức Thành tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.
- 2010** Ra đời chuỗi cửa hàng Winwinshop để trực tiếp giới thiệu các sản phẩm của GDT đến tay người tiêu dùng.
- 2009** Quý Mekong thoái vốn, Tập đoàn Cao su Việt Nam vào đầu tư. Công ty tăng vốn điều lệ thành 103,723 tỷ đồng.
Ngày 17/11/2009, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu GDT của mình trên sàn chứng khoán HOSE.
- 2008** Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên thành 74,100 tỷ đồng.
- 2007** Quý PENM, quản lý bởi Bankinvest, chính thức đầu tư vào GDT 2 (hai) triệu đô la Mỹ.
- 2006** Quý Mekong tiếp tục đầu tư vào GDT 400.000 đô la Mỹ. Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 64,116 tỷ đồng.
Tháng 10/2006 Công ty di dời nhà máy thứ nhất ở Lê Đức Thọ, P.16, Q.Gò Vấp để sáp nhập với nhà máy tại Tân Uyên, Bình Dương theo chủ trương của nhà nước.
- 2005** Quý Doanh nghiệp Mekong đầu tư 1,35 triệu USD vào GDT, nâng tổng số vốn điều lệ lên thành 49,536 tỷ đồng.
Cùng năm này nhà máy thứ ba tại Tân Uyên, Bình Dương được khánh thành với tổng diện tích 30.000m² và kinh phí đầu tư xấp xỉ 2 (hai) triệu đô la Mỹ.
- 2004** Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 40,050 tỷ đồng.
- 2003** Công ty khánh thành nhà máy thứ hai tại Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp.
- 2002** Công ty tiến hành hai đợt tăng vốn điều lệ lên 15,050 tỷ đồng vào ngày 01/07/2002 và 25,050 tỷ đồng vào ngày 09/12/2002
- 2001** Công ty đã đạt được Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 do tổ chức BVQI cấp.
Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gỗ Đức Thành (GDT) với vốn điều lệ là 5,05 tỷ đồng và 20 cổ đông sáng lập.
- 1993** Phát triển thành Công ty TNHH Chế biến Gỗ Đức Thành với số vốn đăng ký 2,025 tỷ đồng và có hơn 130 công nhân.
- 1991** Ngày 19/5 Cơ sở chế biến Gỗ Tam Hiệp (tiền thân của GDT) ra đời với số vốn ban đầu là 105 triệu đồng và 60 công nhân.

THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY

- 2014** • Bộ công thương trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2013"
• Sở công thương tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu "Đã có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển của tỉnh Bình Dương năm 2013".
- 2013** • Bộ công thương trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2012".
• Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng "Sao vàng đất Việt năm 2013" vì đã đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế cùng danh hiệu Top 100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
• Sản phẩm Đức Thành tiếp tục đạt danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2012" do người tiêu dùng bình chọn.
• Báo Lao động và Xã hội (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội) phối hợp cùng Tạp chí Gia đình & Trẻ em trao tặng giải thưởng "Top 100 Sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em năm 2013".
• Liên đoàn lao động quận Gò Vấp trao tặng bằng khen chăm lo tốt các chế độ chính sách phúc lợi cho công nhân lao động trong dịp tết Quý Tỵ 2013
• Gỗ Đức Thành tái chứng nhận ISO 9001: 2008 có hiệu lực từ 10/1/2013 đến 10/1/2016.
- 2012** • Gỗ Đức Thành được UBND TP.HCM và Sở Tài Nguyên Môi trường trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xanh 2012".
- 2011** • Bộ Công Thương trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín".
• Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng "Sao vàng đất Việt năm 2011" vì đã đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế.
• UBND TP HCM khen tặng danh hiệu: "Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011"
• Huy chương vàng và chứng nhận danh hiệu "hàng Việt Nam chất lượng cao" do Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao tặng.
- 2010** • Đạt Chứng nhận Thương hiệu uy tín, chất lượng - Trusted Brand 2010.
• Bộ Công Thương trao tặng giải thưởng "Thương hiệu nổi tiếng quốc gia 2010".
• Đạt Chứng nhận "Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010".
• Danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010" do người tiêu dùng bình chọn.
- 2009** • Bộ khoa học và Công nghệ TP.HCM tặng danh hiệu "Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng năm 2009".
- 2008** • Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen "Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc".
• Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công tác khác năm 2007".
- 2007** • UBND TP.HCM tặng danh hiệu Top ten "Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2007".
• Đạt Danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2006" do Bộ Thương Mại xét chọn.
• UBND TPHCM tặng bằng khen đã có nhiều thành tích trong công tác "Đền ơn đáp nghĩa" nhân kỷ niệm 60 năm ngày Thương binh liệt sĩ 1947 - 2007.
- 2006** • Bộ Thương mại tặng bằng khen "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ba năm liền 2004, 2005, 2006".



THÀNH TÍCH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2014

- Trung ương Hội Doanh Nhân Trẻ Việt Nam bình chọn là một trong 100 Doanh Nhân Trẻ Việt Nam Tiêu Biểu Sao Đỏ 2014.
- Ủy ban nhân dân TP.HCM trao tặng Bằng Khen "Doanh nhân TP.HCM tiêu biểu 2014"
- Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh là một trong 50 nhà lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2013.
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Công ty Ernst & Young Việt Nam trao tặng kỷ niệm chương "Ernst & Young - Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp 2014"





CÁC BÁO CÁO CHÍNH

- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- Báo cáo của Ban Điều Hành
- Báo cáo của Ban Kiểm Soát

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2014 có tất cả 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia điều hành tại Công ty và 02 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT luôn đóng góp ý kiến, giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tập trung vào các định hướng phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.

1 Bà Lê Hải Liễu.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bà Liễu sinh năm 1962, Bà từng là giảng viên Khoa Thống kê - Toán trường Đại học Kinh tế Tp.HCM trong 7 năm, sau đó Bà đi tu nghiệp 2 năm tại Cộng hòa liên bang Đức và về làm việc tại Đức Thành đến nay đã hơn 20 năm.

Bà Liễu là người đã lãnh đạo công ty phát triển từ một cơ sở chế biến gỗ có vốn hơn 2 tỷ đồng và 100 công nhân năm 1993 trở thành một Công ty cổ phần niêm yết Hose với số vốn 103 tỷ với gần 1.100 cán bộ công nhân viên như hiện nay.

Trong suốt quá trình phát triển của GDT, Bà là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng của GDT.

Từ năm 2012 đến nay Bà Liễu đã từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc mà chỉ tập trung vào vai trò Chủ tịch HĐQT. Bà là người cố vấn "đặc biệt" cho Tổng Giám đốc kể nhiệm về tất cả các vấn đề liên quan đến việc điều hành và quản lý Công ty.

2 Ông Lê Hồng Thắng

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc.



Ông Thắng sinh năm 1975, Ông là Kỹ sư cơ khí động lực.

Từ năm 2013 đến nay ông Thắng là Tổng giám đốc mới của công ty, thay cho Bà Liễu. Ông có gần 18 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ cũng như làm việc tại Đức Thành nên rất am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của GDT... những lợi thế này đã giúp Ông rất nhiều trong việc đáp ứng tất cả các đơn hàng sản xuất của công ty, cho dù khó hay gấp. Vì vậy, Ông đã tiếp tục đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của nền kinh tế thời gian qua và hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT đã giao phó...

Ông đã sắp xếp lại quy trình sản xuất, tiết kiệm nguyên phụ liệu, cùng phối hợp để giải quyết các vấn đề cốt lõi trong hệ thống sản xuất, để có thể giảm giá thành, mang lại doanh số và lợi nhuận tăng trưởng cho công ty và cổ đông.

3 Ông Lê Hồng Thành

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, kiêm Phó Tổng giám đốc



Ông Thành sinh năm 1973, Ông là người có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị Xuất nhập khẩu và quản lý sản xuất, Ông đã làm việc 20 năm tại GDT và được thăng tiến từ vị trí nhân viên lên chức vụ quản lý tại Công ty.

Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý nói chung, là người hoạch định chiến lược phát triển nhân sự, đề ra nhiều chế độ giữ người lao động, đảm bảo nguồn lao động luôn đáp ứng đầy đủ cho sản xuất. Đồng thời, Ông đã đóng góp rất nhiều trong việc tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu, giá cả ổn định, chất lượng đáp ứng kịp thời cho sản xuất giúp Công ty giảm chi phí đáng kể.

4 Ông Trần Xuân Nam

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập



Ông Nam sinh năm 1966, Ông là cử nhân Kinh tế và đã có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán. Ông là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và hiện là Phó Tổng giám đốc Công ty chứng khoán Phương Nam, Ông đã cố vấn rất hữu hiệu cho GDT về các chiến lược đầu tư, niêm yết và quan hệ Cổ đông.

5 Ông Nguyễn Công Hiếu

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập



Ông Hiếu sinh năm 1961, Ông là Cử nhân Kinh tế ngoại thương; Kỹ sư cơ khí; Pr. CEO. Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hành chính, ông am hiểu các chính sách luật và đã cố vấn rất hữu hiệu cho GDT về nhiều vấn đề... Ông là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Giám đốc Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex - Saigon.

THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG

Khởi nghiệp vào những năm đầu thập niên 90, khi đó thị trường Việt Nam cũng như ngành công nghiệp chế biến gỗ còn rất sơ khai so với hiện nay. Trải qua 24 năm, ngành công nghiệp chế biến gỗ nhìn chung đã có những thay đổi mạnh mẽ và toàn diện, riêng GDT đã xây dựng được thương hiệu và trở thành một trong những công ty Việt Nam uy tín, gắn gũi với người tiêu dùng khắp cả trong và ngoài nước.

Hiện nay, Việt Nam chúng ta đã hội nhập sâu vào quỹ đạo của toàn cầu hóa, các hiệp định WTO, AFTA sẽ gỡ bỏ hàng rào thuế quan vào năm 2018. Việt Nam cũng sẽ gia nhập TPP cũng như tham gia vào các hiệp định mậu dịch tự do khác. Trong bối cảnh đó, GDT sẽ tiếp tục củng cố nội lực, giữ vững vị thế dẫn đầu, chủ động trong việc nắm bắt các cơ hội liên kết, hợp tác nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ người tiêu dùng.

Kết thúc năm 2014 vừa qua, tôi rất tự hào và vui mừng thông báo với Quý Cổ đông rằng, GDT đã đạt được kết quả vượt bậc so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó:

I. TỔNG KẾT NĂM 2014

1. Các chỉ tiêu về kết quả sản xuất, kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1/ Tổng doanh thu toàn công ty	Tỷ đồng	252,812	264,079	104,5%
2/ Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	57,425	67,099	116,8%
3/ Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	44,792	51,630	115,3%

- Thị trường bất động sản năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn, “vẫn còn nằm trong vùng đáy” nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương vẫn chưa thực hiện được.
- Công ty GDT đã xây dựng xong phần đất mở rộng mở rộng nhà máy tại Tân Uyên, BD, và đã đưa vào hoạt động xấp xỉ 8.000 m² nhà xưởng từ tháng 2 năm 2015.

2. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi cổ đông, Hội đồng quản trị với 5 thành viên đương nhiệm, trong đó có 2 thành viên độc lập đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo quy chế quản trị công ty. HĐQT được tổ chức chuyên trách, ra quyết định tập thể theo từng sự việc để từng bước đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Trong năm 2014, HĐQT đã thực hiện:

* Tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty:

- 4 phiên họp thường kỳ: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo.
- 2 phiên họp bất thường: Thông qua thực hiện việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt
- Đồng thời, HĐQT cũng đã triệu tập và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013.

* Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời mọi hoạt động của BDH thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo:
 - Trong các cuộc họp quan trọng của BDH về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
 - Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của BDH gửi HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý kịp thời với BDH trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

* Đơn vị kiểm toán

- Hội đồng quản trị phối hợp với BKS đã chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán cho GDT trong năm tài chính 2014. Trong quá trình làm việc, GDT đã cung cấp chứng từ và đáp ứng đầy đủ, hợp lý các chuẩn mực về kế toán, bên công ty kiểm toán cũng làm việc rất chặt chẽ và có trách nhiệm.

* Thù lao

- Với cơ chế hoạt động chuyên trách toàn thời gian, các thành viên HĐQT và BKS đã được phân thêm nhiều nhiệm vụ, tự nâng cao chất lượng làm việc của từng thành viên... để giám sát mọi hoạt động của công ty, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất. Kết quả của một chuỗi những hoạt động này là lợi nhuận trước thuế vượt 16,8% kế hoạch đề ra. Năm 2014, tổng thù lao của HĐQT và BKS là 900 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,3% trên tổng doanh thu của năm 2014.

* Quan hệ cổ đông

- Các quy định về công bố thông tin được chấp hành tốt, đảm bảo tính kịp thời, công khai, minh bạch.
- Duy trì thường xuyên các hoạt động, tiếp xúc cung cấp thông tin cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước qua các kênh khác nhau với chất lượng thông tin tốt, được nhà đầu tư đánh giá cao.
- Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/4/2014 (từ 25% - 30% bằng tiền mặt và cổ phiếu trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông), cụ thể:
 - Đợt 1 năm 2014 : tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt ngày 30/10/2014 là 10%.
 - Đợt 2 năm 2014 : tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt ngày 29/01/2015 là 10%.
 - Đợt 3 năm 2014 : phần cổ tức còn lại sẽ được thực hiện ngay sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ tổng kết năm 2014.

II. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2015

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế, năm 2015:

- Kinh tế Việt Nam có nhiều dấu hiệu phục hồi, nhưng vẫn còn đó nhiều khó khăn, thách thức.
- Kinh tế Thế giới có triển vọng phục hồi khá, phần lớn từ các nước dẫn dắt đã tăng trưởng của kinh tế thế giới như Mỹ, Nhật Bản...

Trong bối cảnh đó, GDT xác định mục tiêu cho năm tài chính 2015 là tiếp tục phát triển theo chiều sâu lấy phương châm “nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng; giữ uy tín chính là giữ khách hàng” làm trọng. Hội đồng quản trị định hướng các chương trình hoạt động trong năm 2015 với trọng tâm như sau:

- Bầu lại thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015-2019
- Xây dựng và hoàn thiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015- 2019, quyết tâm đưa GDT phát triển trở thành nhà sản xuất gỗ hàng đầu tại Việt Nam và vươn ra tầm quốc tế.
- Tập trung tăng quy mô, mở rộng thị phần cho lĩnh vực kinh doanh chính và phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 đảm bảo an toàn và tiết kiệm. Cụ thể:
 - Tổng doanh thu đạt 289,8 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2014.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 73,8 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2014.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 57,6 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2014.
- Phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ để tăng thêm sức mạnh của công ty.
- Đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ trong năm tài chính 2015. Tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ theo quy định để thảo luận, thông qua báo cáo, kế hoạch... nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra
- Tìm kiếm, lựa chọn thêm đối tác chiến lược tăng thêm sức mạnh của công ty.
- Đào tạo, bồi dưỡng, chăm lo và phát triển nguồn nhân lực và nâng cao văn hoá doanh nghiệp để kết nối và cộng hưởng cho toàn công ty.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản trị tài chính theo chuẩn mực, thực hiện kiểm toán nội bộ hiệu quả.
- Tiếp tục nỗ lực tìm kiếm đơn vị chuyển nhượng lại đất ở Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương để đem về khoản lợi nhuận sau thuế xấp xỉ 25 tỷ đồng cho công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Hội đồng quản trị đánh giá cao và chân thành cảm ơn sự tận tâm, nỗ lực của Tổng giám đốc, Ban điều hành và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã luôn vượt khó để đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho thương hiệu GDT ngày càng vững mạnh.

Nhìn lại chặng đường phát triển của GDT, chúng tôi cũng trân trọng sự đồng hành, ủng hộ và hợp tác bền chặt của Quý Cổ đông, Nhà Đầu tư, các Đối tác, Nhà Cung cấp, Nhà Phân phối v.v... đã góp phần quan trọng cho sự thành công của GDT. Đây chính là sức mạnh và niềm tin để tiếp sức cho chúng tôi trong chặng đường phát triển tiếp theo.

Cuối cùng kính chúc Quý Cổ đông dồi dào sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



LÊ HẢI LIỄU



CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH & KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Bà Lê Hải Liễu

Chủ tịch HĐQT (Xem trang 22)

3. Ông Lê Hồng Thành

Phó Tổng Giám Đốc (Xem trang 23)

5. Ông Nguyễn Văn Đức

Phó Giám đốc Kỹ thuật

Sinh năm : 16/7/1955.

Trình độ : Cao đẳng cơ khí, Đại học Bách Khoa, Tp.HCM.

Từ năm 2003 đến nay, Ông giữ chức vụ là Phó giám đốc kỹ thuật, Ông có nhiều đóng góp cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất làm việc hiệu quả và tiết kiệm.

1995 - 2003 : Quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành

1992 - 1995 : Kỹ thuật viên công ty sản xuất ván ép Đức Phát.

1988 - 1992 : Gia công cơ khí tại nhà.

7. Ông Chế Đồng Khánh

Phó Giám đốc Sản xuất

Sinh năm : 18/7/1976.

Trình độ : 12/12.

Từ năm 2011 đến nay, Ông Khánh giữ chức vụ Phó giám đốc sản xuất. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ, đảm bảo tiến độ sản xuất luôn đúng hạn, đạt chất lượng và tăng năng suất.

2009 - 2011 : Quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành

2007 - 2009 : Phó quản đốc phân xưởng tinh chế Công ty Gỗ Đức Thành.

2003 - 2007 : Kỹ thuật khâu Hoàn tất, Bo cạnh, Chà nhám Công ty Gỗ Đức Thành.

2. Ông Lê Hồng Thắng

Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD (Xem trang 22)

4. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc Hành chính Nhân sự

Sinh năm : 02/10/1974

Trình độ : Cử nhân Kế toán, Đại học thương mại Tp.HCM.

Gắn bó với Công ty từ những năm 1995, Bà Huyền đã có nhiều kinh nghiệm ở các công việc khác nhau, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bà cũng là người điều hành, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân sự ổn định cho Công ty.

T11/2012 đến nay : Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty gỗ Đức Thành

2003 - T10/2012 : Trưởng phòng Hành chính nhân sự Công ty gỗ Đức Thành.

1997 - 2003 : Nhân viên kinh doanh Nội địa kiêm Kế toán kho Công ty gỗ Đức Thành.

1995 - 1997 : Nhân viên kinh doanh Nội địa Công ty gỗ Đức Thành.

6. Bà Bùi Phương Thảo

Kế toán trưởng

Sinh năm : 01/01/1979.

Trình độ : Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế, Tp.HCM.

Từ năm 2011 đến nay, Bà Thảo là Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán, Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - kế toán, Bà đã hỗ trợ Ban điều hành hiệu quả trong việc quản lý các hoạt động tài chính của Công ty.

2009 - 2011 : Phó phòng Kế toán Công ty gỗ Đức Thành.

2006 - 2009 : Kế toán Công ty gỗ Đức Thành.

2001 - 2005 : Kế toán Công ty TNHH SX XD TM Cơ khí Minh Giang.

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Đánh dấu chặng đường 24 năm hình thành và phát triển, năm 2014 đã ghi dấu những nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV công ty (GĐT) nhằm khẳng định vị trí của mình ở ngành hàng đồ gỗ trong nước và vươn ra tầm quốc tế. Năm 2014, công ty GDT đã có những điều kiện thuận lợi và phải vượt qua những khó khăn sau:

* Thuận lợi

- Gỗ Đức Thành có nguồn lực tài chính mạnh và bộ máy quản lý với nhiều kinh nghiệm, tầm nhìn xa và đầy nhiệt huyết.
- Việc mở rộng nhà máy sản xuất, dự trữ nguyên phụ liệu đầy đủ để phục vụ cho sản xuất kinh doanh cũng là một lợi thế không phải công ty nào cũng có.
- Đội ngũ cán bộ - công nhân viên có tay nghề cao và dày dặn kinh nghiệm. Đây là yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển ngành hàng đồ gỗ của GDT.
- Sự đồng hành và gắn kết của HĐQT, của các cổ đông đã giúp cho GDT luôn giữ vững vị thế và phát triển bền vững.
- Ngoài những điều kiện thuận lợi nêu trên, GDT còn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các nhà cung cấp... nên nguyên phụ liệu luôn đạt chất lượng, và đúng hạn.

* Khó khăn

- Diễn biến thị trường Việt Nam còn nhiều khó khăn, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sức mua của người dân suy giảm, tâm lý phòng thủ đè nặng thị trường.
- Những căng thẳng địa lý - chính trị tại một số nơi trên thế giới nhất là cuộc chiến Đông - Tây ở Ukraine, bất ổn ở Biển Đông, biển Hoa Đông, cộng với thị trường tiền tệ có những biến động... đã có những tác động tiêu cực tới đà phục hồi của nền kinh tế.
- Kinh tế Châu Âu tăng trưởng chậm, do cuộc khủng hoảng nợ công kéo dài quá lâu, các công cụ tài chính, nhất là chính sách "thắt lưng buộc bụng" đã không phát huy hiệu quả. Các lệnh trừng phạt kinh tế đối với Nga xung quanh vấn đề Ukraine cũng có những hiệu ứng ngược đối với chính nền kinh tế của Liên minh Châu Âu.

1. Kết quả Doanh thu 2014

Tính đến ngày 31/12/2014, GDT đã đạt được các chỉ tiêu tài chính như sau: **ĐVT: Tỷ đồng**

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Tăng/giảm so với cùng kỳ	Kế hoạch 2014	Tăng/ giảm so với KH
	(1)	(2)	(3)	(4) = (3)/(2)	(5)	(6) = (2)/(3)
1	Tổng doanh thu	237,366	264,079	111,3%	252,812	104,5%
	- Xuất khẩu	188,393	207,298	110,0%	198,152	104,6%
	- Nội địa	48,289	56,121	116,2%	54,000	103,9%
	- Cho thuê xưởng	0,683	0,660	96,6%	0,660	100,0%
2	Lợi nhuận trước thuế (*)	51,708	67,099	129,8%	57,425	116,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	36,363	51,630	142,0%	44,792	115,3%

Ghi chú: (*) Xem chi tiết báo cáo kiểm toán trang số 48

Năm 2014 việc kiểm soát, quản lý gỗ rất chặt chẽ, việc sử dụng, tận dụng gỗ hiệu quả... đã góp phần mang lại lợi nhuận trước thuế cao là 67,09 tỷ, tăng 29,8% so với 2013.

- **Doanh thu Xuất khẩu:** đạt 207 tỷ, chiếm 78,5% tổng doanh thu toàn công ty. Sản phẩm chủ yếu xuất sang các nước như: Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Hồng Kông, Đức, Anh, Ý, Mỹ, Pháp, Hà Lan, Úc..., trong đó, Châu Á chiếm 76,1%, Châu Âu chiếm 19,2% trên tổng doanh thu Xuất khẩu.
- **Doanh thu Nội địa:** đạt 56 tỷ đồng, tăng đến 16,2% so với năm 2013, chiếm 21,3% tổng doanh thu toàn công ty và vượt 3,9% kế hoạch đã đề ra. Nổi bật trong năm, Phòng Nội địa đã tiếp tục khai thác các khách hàng dự án tiềm năng. Khách hàng dự án đến từ các công ty lớn như Dutch Lady, Abotte; P&G... đã góp phần gia tăng đáng kể cho doanh thu Nội địa năm nay. Ngoài ra, sản phẩm đồ dùng nhà bếp thương hiệu **Gỗ Đức Thành** và đồ chơi trẻ em **Winwintoys** đã được được bày bán thông qua gần 1.300 cửa hàng, đại lý trên toàn quốc, trong đó:
 - o Tp.HCM và các tỉnh miền Nam, Đông Nam Bộ chiếm 84%
 - o Hà Nội và các tỉnh miền Bắc chiếm 12%
 - o Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung chiếm 4%

2. Tình hình tài chính

Thành tích về tài chính của GDT trong năm 2014 vừa qua là:

- Quản lý tài chính một cách thận trọng và chặt chẽ, và không gặp bất cứ một rủi ro khách quan nào từ thị trường.
- Tăng cường theo dõi sát tỉ giá ngoại tệ, biến động lãi suất giữa các thời kỳ và giữa các ngân hàng... để có những quyết định đúng đắn, phù hợp góp phần đem lại lợi nhuận từ hoạt động tài chính cho công ty là 5,6 tỷ

Chỉ tiêu	2013	2014
Khả năng sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,32%	19,55%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	21,68%	27,29%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	13,96%	18,01%

3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014

- Vốn chủ sở hữu : 203.601.301.847 đồng
- Tài sản cố định hữu hình : 27.606.489.574 đồng
- Tài sản vô hình : 12.221.347.183 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 10.372.365 cổ phiếu
- Giá trị sổ sách mỗi cổ phần : 18.451 đồng
- Lợi nhuận sau thuế trên 1 cổ phiếu của Công ty, EPS là 4.978 đồng/cổ phiếu.
- Giá đóng cửa trên sàn Hose vào ngày 31/12/2014 là 34.800 đồng/cổ phiếu, như vậy chỉ số PE của cổ phiếu GDT là 7,0

4. Hoạt động sản xuất

- Trong năm 2014, Ban điều hành đã thành lập và duy trì 1 đội ngũ khoảng 20 CB - CNV luôn tìm những vấn đề không hiệu quả, cần và có thể cải tiến để đem lại hiệu quả, lợi nhuận, năng suất hơn để cải tiến và dành 1 nguồn quỹ khen thưởng cho tất cả mọi góp ý cải tiến. Tính đến ngày 31/12/2014, lợi nhuận ròng của công ty đạt 20% so với doanh thu 264 tỷ đồng.

5. Đầu tư mở rộng sản xuất

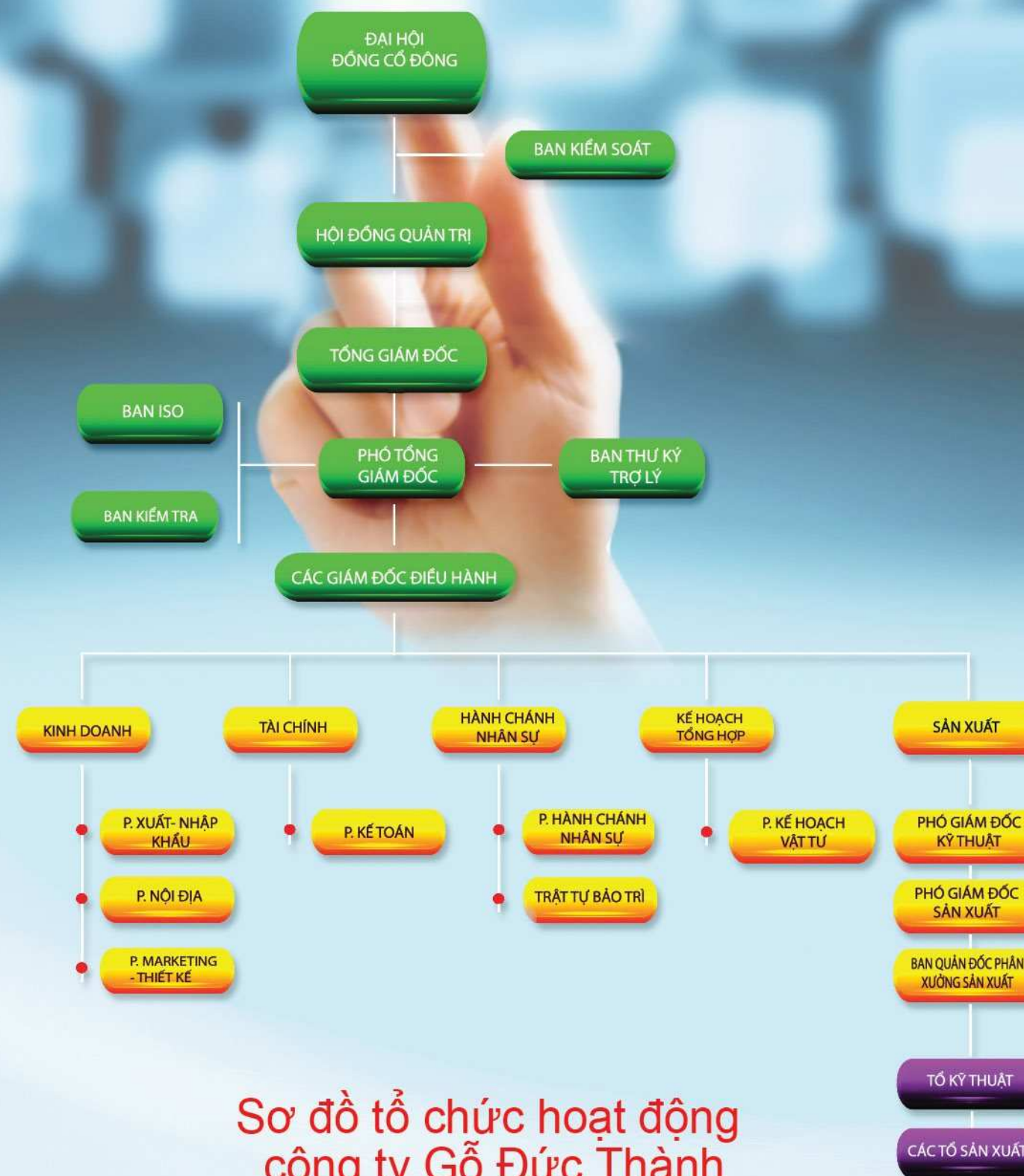
- GDT đã tiến hành xây dựng mở rộng nhà máy ở Tân Uyên, Bình Dương và sẽ đưa vào hoạt động từ tháng 2/2015 với tổng kinh phí xấp xỉ 15 tỷ đồng
 - Đất và đường đi : 4.061.750.000 đồng
 - Xây dựng tường rào, hệ thống PCCC... : 10.920.935.000 đồng

6. Lương thưởng của Ban điều hành

- Các khoản lương và thưởng của BDH trong năm 2014 là 2.214.932.000 đồng.

7. Hoạt động tổ chức và nhân sự

- Công ty gỗ Đức Thành không ngừng hoàn thiện phương pháp quản trị điều hành, luôn ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, xem nguồn nhân lực là tài sản của doanh nghiệp, đó là nhân tố quyết định sự thành công và phát triển bền vững của GDT.
- Cho đến nay, GDT tự hào khi có được một đội ngũ những người lao động trung thành, luôn đoàn kết cùng nhau và làm việc vì lợi ích chung. Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số nhân viên của GDT là 948 người, trong đó:
 - Có 796 lao động trực tiếp sản xuất và 152 lao động gián tiếp.
 - Có 1 nhân viên trình độ thạc sĩ, 48 trình độ đại học, 31 trình độ cao đẳng và 21 trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
- Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm công tác, gắn bó dài lâu, GDT đã có nhiều chính sách đãi ngộ cho người lao động. Tiền lương của người lao động được trả đúng ngày và được xét điều chỉnh tăng theo định kỳ và theo hiệu quả công việc. Ngoài tiền lương, người lao động còn được hưởng chế độ tiền thưởng theo tiến độ công việc. Đặc biệt, công ty còn có chính sách thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể làm việc xuất sắc, đạt hiệu quả cao v.v...
- Để tất cả CB-CNV chính thức của Công ty đều được thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam, GDT đã thực hiện tham gia đầy đủ BHXH, BHYT. Hơn thế nữa, GDT còn tự nguyện mua bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho toàn thể CB-CNV. Ngoài ra, công ty còn trợ cấp đối với các nhân viên ốm đau - nằm viện, thai sản, cưới hỏi v.v... GDT còn lập quỹ, cấp học bổng cho con em CB-CNV học giỏi theo quy chế riêng của Công ty.
- Về môi trường làm việc, GDT luôn chú tâm duy trì không khí vui vẻ, đoàn kết, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy năng lực và sáng tạo..., luôn tôn trọng, lắng nghe và chia sẻ ý kiến, giúp người lao động yên tâm công tác tốt. Hàng năm, GDT cũng quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho anh em bằng cách tổ chức các cuộc tham quan nghỉ mát, tổ chức giải đấu thể thao, hội diễn văn nghệ... nhằm giúp anh em nghỉ ngơi sau những ngày làm việc căng thẳng.
- Nhờ có những chế độ đãi ngộ, sự quan tâm sâu sát của cấp lãnh đạo đối với nhân viên nên hơn 24 năm qua, GDT chưa bao giờ phải đối mặt với những cuộc đình công, lãn công... Đây là niềm tự hào của Công ty. Khi nguồn nhân lực luôn duy trì và ổn định thì các đối tác sẽ càng tin cậy... bởi khả năng cung cấp sản phẩm đúng hạn đối với những đơn hàng lớn.



Sơ đồ tổ chức hoạt động công ty Gỗ Đức Thành

8. Nội kết cộng đồng

- Thành công của GDT luôn gắn liền với những câu chuyện đầy ý nghĩa về trách nhiệm xã hội của một thương hiệu. Với phương châm hướng đến và sẻ chia cùng cộng đồng, GDT luôn chú trọng đến việc phát triển bền vững của xã hội
 - Ủng hộ chăm lo Tết cho các đối tượng chính sách khó khăn tại Bình Dương
 - Hỗ trợ hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM
 - Hỗ trợ cho ban quản lý đền ơn đáp nghĩa của UBND quận Gò Vấp
 - Ủng hộ phương tiện chứa nước sạch cho nhân dân huyện Cần Giờ
 - Ủng hộ quỹ vì người nghèo của UBMTTQ quận Phú Nhuận v.v...

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Ban điều hành sẽ cố gắng hết sức để đảm nhận kế hoạch tăng trưởng doanh thu cho năm 2015

STT	Chỉ tiêu (tỉ đồng)	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	264,079	289,897	110%
	- Doanh thu xuất khẩu	207,298	227,237	110%
	- Doanh thu nội địa	56,121	62,000	110%
	- Doanh thu cho thuê xưởng	0,660	0,660	-
2	Tổng chi phí	195,752	216,064	110%
3	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh trước thuế	68,327	73,833	108%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	53,004	82,590	156%
	- Lợi nhuận sau thuế từ SXKD	53,004	57,590	109%
	- Dự kiến Lợi nhuận sau thuế thu được, nếu chuyển nhượng khu đất Mỹ Phước 2, BD	-	25,000	-

Với những nền tảng đã có, trong năm 2015 GDT sẽ tập trung vào:

1. Triển khai những cải tiến để tiếp tục gia tăng hiệu quả của sản xuất kinh doanh.

Những cải tiến này là triết lý hoạt động của công ty với mục tiêu luôn đáp ứng những thay đổi năng động của thị trường. Ngoài ra, chúng tôi luôn đảm bảo hiệu quả sản xuất với chi phí thấp

- Theo dõi sát thị trường gỗ nguyên phụ liệu, dự trữ ở mức giá hợp lý. Đảm bảo GDT luôn có đủ gỗ để thực hiện các đơn hàng Nội địa, Xuất khẩu với giá bán phù hợp.
- Tiết giảm chi phí sản xuất trong giai đoạn kinh tế khó khăn, đảm bảo tình trạng tài chính của Công ty luôn lành mạnh, sử dụng vốn vay ở mức thấp và hiệu quả nhất.

2. Phát triển thêm dòng sản phẩm, tăng cường hoạt động Marketing trong và ngoài nước

- Phát triển thêm dòng sản phẩm cũng như thay đổi công nghệ để tạo sự khác biệt cho các dòng sản phẩm hiện có. Nâng cấp đội ngũ thiết kế, tạo ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.
- Chăm sóc thật tốt các khách hàng truyền thống, tăng cường hiệu quả của việc tham dự hội chợ trong nước và Quốc tế.
- Tiếp tục khai thác các khách hàng dự án, các khách hàng mới.

3. Hoàn thiện bộ máy quản lý

- Bổ sung các vị trí quản lý còn trống, đào tạo đội ngũ cán bộ dự phòng cho các vị trí quản lý nòng cốt để tạo nên giá trị ổn định nhất.

4. Phát hành thành công việc tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ

- Ban điều hành sẽ thực hiện ngay khi có sự đồng ý của ĐHCĐ

Thay mặt GDT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể cán bộ, công nhân viên, đến các đối tác trong và ngoài nước, đến các nhà phân phối, các hệ thống các siêu thị và gần 1.300 điểm bán lẻ trên toàn quốc đã đưa sản phẩm GDT đến tay người tiêu dùng. Tôi mong muốn trong tương lai, mối quan hệ hợp tác này sẽ ngày càng bền chặt để GDT chúng ta tiếp tục tạo ra nhiều giá trị hơn nữa cho Quý Cổ đông, Quý Đối tác, khách hàng... trong chuỗi giá trị của GDT.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

TM. Ban điều hành
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HỒNG THẮNG





ĐỨC THÀNH
HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

24 NĂM
HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2014 có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên tham gia quản lý tại Công ty và 2 thành viên độc lập. Điều này giúp các hoạt động của Ban kiểm soát thêm mang tính khách quan và trung thực.

1 Ông Trần Ngọc Hùng Trưởng Ban



Sinh năm : 11/06/1979
Trình độ : Thạc sĩ tài chính, CPA
T4/ 2014 đến nay là Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP gỗ Đức Thành
2014 đến nay : Công ty CP Phân bón Bình Điền
2007 - 2014 : Công ty CP Chứng khoán Bản Việt
2005 - 2007 : Cty Liên doanh Mercedes-Benz VN
2004 - 2005 : Công ty TNHH UhlSystem VN
2001 - 2004 : CP. Group

Bà Nguyễn Thị Hương Huyền 2 Thành viên

Sinh năm : 31/01/1972
Trình độ : Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế, TP.HCM
T4/2012 đến nay là thành viên Ban kiểm soát Công ty CP gỗ Đức Thành
2010 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Liên Á Quốc Tế
2005 - 2010 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP gỗ Đức Thành
1994 - 2005 : Kế toán tổng hợp kiêm Trưởng ban kế toán Công ty Liên Doanh Hoa Việt



3 Bà Trương Thị Bình Thành viên



Sinh năm : 11/4/1971
Trình độ : Cử nhân ngoại ngữ trường Đại học ngoại ngữ
T4/2012 đến nay là thành viên Ban kiểm soát Công ty CP gỗ Đức Thành
11/2011 - nay : Trưởng phòng kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành
2009 - 11/2011 : Phó phòng kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành
1996 - 2009 : Nhân viên kinh doanh Xuất khẩu Công ty gỗ Đức Thành

Kính thưa Quý cổ đông,

Ban kiểm soát ("BKS") Công ty cổ phần chế biến gỗ Đức Thành ("GDT") xin báo cáo về các mặt hoạt động của BKS trong năm 2014 và kế hoạch năm 2015 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức

- Tháng 4/2014, Bà Nguyễn Kim Chinh – Trưởng BKS đã từ nhiệm thành viên BKS, và Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2014 đã bầu bổ sung Ông Trần Ngọc Hùng làm thành viên BKS.

- Vào ngày 12/7/2014, BKS đã họp và bầu Ông Trần Ngọc Hùng làm trưởng BKS Công ty GDT.

- Năm 2014 BKS gồm có 03 thành viên :

1. Ông Trần Ngọc Hùng : Trưởng BKS
2. Bà Nguyễn Thị Hương Huyền : Thành Viên BKS
3. Bà Trương Thị Bình : Thành Viên BKS

2. Hoạt động của BKS

- Nhằm theo sát và đánh giá đúng tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, định kỳ hàng quý BKS đã họp, đánh giá thực tế các hoạt động và thay mặt Cổ đông giám sát những vấn đề mà Đại hội cổ đông đã thống nhất giao cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BDH) thực hiện.

- Ban kiểm soát đã thường xuyên :

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, vì vậy BKS có điều kiện nắm rõ tất cả các hoạt động của Công ty để kiểm tra, giám sát cũng như có ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS về định hướng phát triển cho từng giai đoạn, để HĐQT làm căn cứ quyết định trong công tác chỉ đạo được kịp thời.
- Trao đổi thông tin giữa các thành viên BKS để theo dõi, nhận xét các hoạt động một cách trung thực, chính xác nhất trên cơ sở những quy định của Công ty, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn để tiếp nhận, thu thập thông tin liên quan đến các nội dung cần giám sát.
- Xem xét đánh giá báo cáo tài chính hàng quý và cả năm 2014.
- Xem xét đánh giá cụ thể hiệu quả kinh doanh của các đơn hàng, công nợ quá hạn và kiến nghị thực hiện thu hồi nợ.
- Đánh giá giám sát việc kiểm kê kho nguyên liệu toàn Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan, điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị của GDT, nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2014

1. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty được lập, phản ánh đúng thực tế các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên cơ sở các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện nay. Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2014 được kiểm toán cho thấy:

- Tình trạng tài chính của Công ty đang tăng trưởng lành mạnh, không có những bất thường hay các vấn đề nào cần lưu ý.
- Hệ số thanh toán ngắn hạn của năm 2014 hơn 2,24 lần và hệ số thanh toán nhanh 1,6 lần. Thời gian vòng quay khoản phải thu khách hàng đảm bảo ở mức dưới 30 ngày.
- Đáng chú ý là kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vượt kế hoạch đề ra. Đặc biệt, khả năng mang lại lợi nhuận cho cổ đông cao thể hiện trong thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) là 4.978 đồng/ cổ phiếu tăng 42% so với năm 2013. Đây là thành quả cố gắng cả năm của CB-CNV Công ty và định hướng đúng đắn của HĐQT.

2. Đánh giá trình độ, khả năng và mức độ độc lập của Công ty kiểm toán.

- HĐQT đã chọn Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là một trong bốn đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông đề xuất lựa chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014. Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị:

- Kiểm toán quốc tế chuyên nghiệp, thực hiện kiểm toán độc lập và báo cáo tài chính GDT theo các chuẩn mực của kế toán hiện hành.
- Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các Công ty Đại chúng niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán.

3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Tiếp đà tăng trưởng trong năm 2013, GDT đã phát huy tốt những mặt tích cực như: tìm nguồn nguyên liệu chất lượng tốt, giá cả phù hợp nên tỷ suất lợi nhuận của GDT luôn đạt được mục tiêu chiến lược HĐQT đề ra. Ngoài ra, GDT cũng tăng cường quảng bá thương hiệu, sản phẩm thông qua nhiều kênh khác nhau để giới thiệu cho khách hàng tiềm năng, mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước. Với chất lượng sản phẩm ngày càng cao và đa dạng đã tạo cho khách hàng có nhiều niềm tin nên việc kinh doanh trong năm qua có thuận lợi hơn.

- Với nhiều lợi thế cạnh tranh về chất lượng và uy tín của sản phẩm GDT, thêm vào đó là công tác điều hành, quản trị tốt đã đưa Doanh thu trong năm 2014 vượt hơn 4% so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra.

STT	CHỈ TIÊU (Tỷ đồng)	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO SÁNH
1	Tổng doanh thu	252,812	264,079	104%
	1.1 Doanh thu xuất khẩu	198,152	207,298	105%
	1.2 Doanh thu nội địa	54,000	56,121	104%
	1.3 Cho thuê xưởng	0,660	0,660	100%
2	Tổng chi phí	195,387	195,752	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	57,425	67,099	116%
4	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động SXKD	44,792	51,630	115%

- Căn cứ trên lợi nhuận sau thuế thực tế trong năm 2014, GDT hoàn toàn có đủ nguồn để chi trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ dự kiến được ĐHĐCĐ thông qua là từ 25% đến 30% tính trên mệnh giá cổ phiếu.

4. Công tác giám sát hoạt động của HĐQT, BĐH và thực hiện quy chế quản trị nội bộ.

4.1 Giám sát hoạt động của HĐQT và BĐH

- Các thành viên HĐQT và BĐH đã:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, bảo đảm lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Tích cực, chủ động chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tốt. Công ty đảm bảo được việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Các Nghị quyết của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí cao của các thành viên và được BĐH triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Trình tự, thủ tục các phiên họp HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2014, GDT đã hoàn thành việc đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất tại Bình Dương, đồng thời đưa vào sử dụng đúng tiến độ theo chỉ đạo của HĐQT đề ra.

4.2 Đánh giá tình hình thực hiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

- Để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tính tuân thủ các quy định của GDT, BKS đã thường xuyên trao đổi với BĐH, các bộ phận và nhận thấy:

- Hoạt động của GDT luôn thực hiện đúng các quy chế quản trị, định hướng chiến lược của HĐQT. Nếu có trường hợp sai phạm, GDT cũng có những chế tài để đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành và các phòng ban liên quan đã tổ chức việc rà soát công tác kiểm kê, tăng cường giám sát khâu xử lý số liệu sau kiểm kê, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, tránh ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

- BKS chưa phát hiện trường hợp các thành viên HĐQT, BĐH, cán bộ quản lý vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của Công ty.

4.3 Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cổ đông

- BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định từ HĐQT, BĐH và các phòng ban nghiệp vụ. BKS đã cùng với HĐQT, BĐH phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của GDT, trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi tham gia góp ý nhằm đảm bảo hoạt động của GDT phù hợp với điều lệ, các quy chế nội bộ, các quy định của pháp luật có liên quan.

- BKS đưa ra các vấn đề Công ty cần lưu ý trong quá trình sản xuất kinh doanh và được GDT từng bước khắc phục và cải thiện tốt.

- Từ sau kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2014 đến nay, BKS chưa nhận được bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến các chức danh thuộc HĐQT và Ban Tổng giám đốc cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát

5.1 Nhận xét

- Trong quá trình thực hiện, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực và đánh giá cao nỗ lực làm việc của HĐQT, BĐH cũng như toàn thể CB- CNV Công ty trong năm qua. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi đúng hướng, BĐH luôn linh hoạt thực hiện đúng các chủ trương và chỉ đạo mà HĐQT đã đề ra. GDT đã thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế hơn 15% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, và tăng hơn 42% so với năm 2013.

- Các quy định, quy chế, điều lệ Công ty đang được GDT thực hiện tốt và hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành

5.2 Kiến nghị

- Ngoài những thành công mà Công ty đã đạt được, BKS cũng có một số kiến nghị thêm như sau:

- Nên tăng cường quản lý và sử dụng kho gỗ để hạn chế nhiều nhóm gỗ tồn kho quá lâu.
- Nhanh chóng áp dụng hệ thống phần mềm quản lý nhân sự mới trong thời gian tới để việc quản lý CB-CNV hiệu quả hơn.
- HĐQT cũng như BDH cần sớm tìm giải pháp để chuyển nhượng quyền thuê đất của Công ty tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, BD.

III. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT CHO NĂM 2015

Năm 2015, BKS tiếp tục thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của BKS như sau :

Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của năm 2015.

Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp trong việc lập báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo kiểm toán năm 2015 so với các chính sách thay đổi quan trọng về chế độ tài chính kế toán trong năm 2015.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kiến nghị với HĐQT, BDH để nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị và điều hành Công ty.

BKS cũng sẽ dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của mình dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát với thực tiễn hoạt động của GDT

Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục cùng sát cánh đưa hoạt động của GDT ngày càng lớn mạnh và chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ các quý vị Cổ đông đã dành cho BKS trong năm 2014 và trong thời gian tới.

Kính chúc quý vị đại biểu, các quý vị cổ đông mạnh khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM/BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN NGỌC HÙNG



- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty ngày 19 tháng 3 năm 2015

Tên cổ đông	Số CMND/ GCNDKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần hiện tại	Tỉ lệ (%)
1 Bà Hà Thị Huệ	020 343 493	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM	2.460.600	23,72%
2 Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q1, TP.HCM	810.000	7,81%
5 Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	1/11F BK1, P. Bình Khánh, Q2 TP.HCM	786.660	7,58%
4 Quỹ Mutual Fund Elite	CA5604	C/O PYN Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki ,Finland.	1.035.000	9,98%
TỔNG CỘNG			5.092.260	49,09%

- Tỉ lệ sở hữu của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2015

STT	Tên	Số CMND	Chức danh	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
I Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành					
1	Bà Lê Hải Liễu	020 343 551	Chủ tịch HĐQT	413.429	3,99%
2	Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	Phó chủ tịch kiêm TGĐ	810.000	7,81%
3	Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	Thành viên HĐQT kiêm P.TGĐ	786.660	7,58%
4	Ông Nguyễn Công Hiếu	020 343 136	Thành viên HĐQT	5.000	0,05%
5	Ông Trần Xuân Nam	021 838 536	Thành viên HĐQT	-	-
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	024 183 985	Giám đốc hành chính nhân sự	9.800	0,09%
7	Ông Chế Đồng Khánh	211 936 399	Phó giám đốc sản xuất	-	-
8	Ông Nguyễn Văn Đức	020 170 371	Phó giám đốc kỹ thuật	-	-
9	Bà Bùi Phương Thảo	025 152 836	Kế toán trưởng	-	-
TỔNG CỘNG				2.024.889	19,52%
II Ban Kiểm Soát					
1	Ông Trần Ngọc Hùng	025 879 041	Trưởng BKS	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	022 824 240	Thành viên BKS	5.200	0,05%
3	Bà Trương Thị Bình	024 559 087	Thành viên BKS	880	0,01%
TỔNG CỘNG				6.080	0,06%

- Giao dịch của cổ đông nội bộ

Có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ diễn ra trong năm 2014

Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2015

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông nội bộ						
Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành	2.024.889	19,52%	-	-	2.024.889	19,52%
Ban kiểm soát	6.080	0,06%	-	-	6.080	0,06%
Các cổ đông khác trong công ty	74.060	0,71%	-	-	74.060	0,71%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng cổ đông nội bộ	2.105.029	20,29%	-	-	2.105.029	20,29%
Cổ đông ngoài công ty						
Cá nhân	5.644.066	54,41%	645.160	6,22%	6.289.226	60,63%
Tổ chức	82.830	0,80%	1.895.280	18,27%	1.978.110	19,07%
Tổng cộng cổ đông ngoài	5.726.896	55,2%	2.540.440	24,49%	8.267.336	79,71%
Tổng cộng toàn công ty	7.831.925	75,51%	2.540.440	24,49%	10.372.365	100,00%





BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2014



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Hải Liễu	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thành	Thành viên
Ông Trần Xuân Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giám đốc Hành chính Nhân sự

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Số: 471/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập được phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0401-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		230.638.862.930	187.585.196.741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.917.656.003	3.499.241.715
1. Tiền	111		517.656.003	999.241.715
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.400.000.000	2.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	134.100.000.000	91.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		134.100.000.000	91.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.143.530.499	25.927.946.657
1. Phải thu khách hàng	131		15.003.939.877	20.993.457.039
2. Trả trước cho người bán	132		5.132.039.177	3.164.875.217
3. Các khoản phải thu khác	135		2.007.551.445	1.769.614.401
IV. Hàng tồn kho	140	7	65.747.988.721	64.376.013.886
1. Hàng tồn kho	141		67.985.997.721	66.857.316.387
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.238.009.000)	(2.481.302.501)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.729.687.707	2.781.994.483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		339.929.399	445.239.520
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.895.672.126	1.773.888.386
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		494.086.182	562.866.577
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+260)	200		79.069.016.953	76.181.328.670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.757.884	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		52.757.884	-
II. Tài sản cố định	220		52.598.968.793	48.616.794.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	27.606.489.574	30.215.414.183
- Nguyên giá	222		70.817.269.022	69.526.949.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.210.779.448)	(39.311.535.617)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.221.347.183	12.474.610.003
- Nguyên giá	228		15.019.114.013	15.019.114.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.797.766.830)	(2.544.504.010)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.771.132.036	5.926.770.592
III. Tài sản dài hạn khác	260		26.417.290.276	27.564.533.892
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.554.480.884	26.766.641.526
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	592.809.392	527.892.366
3. Tài sản dài hạn khác	268		270.000.000	270.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		309.707.879.883	263.766.525.411

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		103.020.808.036	88.999.891.397
I. Nợ ngắn hạn	310		103.020.808.036	86.276.426.397
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	53.273.735.370	37.205.114.839
2. Phải trả người bán	312		8.437.256.164	9.769.895.826
3. Người mua trả tiền trước	313		5.015.414.257	3.692.211.107
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.498.401.215	9.687.444.780
5. Phải trả người lao động	315		4.894.668.877	4.824.414.000
6. Chi phí phải trả	316	15	19.902.634.618	18.165.144.133
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		411.689.458	455.849.966
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.587.008.077	2.476.351.746
II. Nợ dài hạn	330		3.085.770.000	2.723.465.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		3.085.770.000	2.723.465.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		203.601.301.847	174.766.634.014
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	203.601.301.847	174.766.634.014
1. Vốn cổ phần	411		103.723.650.000	103.723.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.856.593.370	2.856.593.370
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.688.104.867	9.688.104.867
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.981.235.647	8.981.235.647
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.351.717.963	49.517.050.130
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		309.707.879.883	263.766.525.411

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD")

31/12/2014 31/12/2013

3.949 33.202



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2014

Chào

Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng

Ulla

Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 02-DN Đơn vị tính: VND	
			2014	2013
1. Doanh thu gộp	01		265.150.085.832	238.360.193.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.070.893.162	993.263.788
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10	17	264.079.192.670	237.366.929.389
4. Giá vốn hàng bán	11		172.246.595.661	156.792.641.530
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		91.832.597.009	80.574.287.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.499.097.817	6.733.271.541
7. Chi phí tài chính	22	21	1.900.227.907	2.210.703.635
8. Chi phí bán hàng	24		15.278.551.032	13.829.152.229
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.785.949.975	20.487.138.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))			64.366.965.912	50.780.565.219
11. Thu nhập khác	31		3.609.982.146	2.708.583.135
12. Chi phí khác	32		877.529.232	1.780.753.651
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	2.732.452.914	927.829.484
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		67.099.418.826	51.708.394.703
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		23	15.533.571.038	14.191.657.228
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập	52	12	(64.917.026)	1.152.970.341
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		51.630.764.814	36.363.767.134



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2014

Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng

Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.099.418.826		51.708.394.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	4.448.953.973		5.701.863.486
Các khoản dự phòng	03	(243.293.501)		1.481.302.501
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	164.830.897		(178.712.130)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.912.929.949)		(5.734.219.479)
Chi phí lãi vay	06	889.581.412		1.101.597.106
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65.446.561.658		54.080.226.187
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.277.806.007		(957.846.188)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.128.681.334)		(1.541.733.647)
Thay đổi các khoản phải trả	11	2.108.213.282		6.110.521.662
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.317.470.763		1.457.195.904
Tiền lãi vay đã trả	13	(889.581.412)		(1.115.009.459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.758.498.467)		(10.390.440.445)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-		116.719.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.052.420.150)		(4.517.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.320.870.347		43.242.313.014
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(8.667.055.531)		(2.410.193.573)
2. Tiền thu do bán tài sản cố định	22	188.363.851		1.304.053.046
3. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(43.100.000.000)		(43.100.000.000)
4. Lãi tiền gửi ngân hàng đã nhận	27	6.473.543.728		4.619.949.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.105.147.952)		(39.586.190.894)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay nhận được	33	128.383.741.363		99.181.288.283
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.626.175.560)		(115.705.462.340)
3. Cổ tức đã trả	36	(17.622.264.600)		(18.665.798.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.864.698.797)		(35.189.972.457)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(648.976.402)		(31.533.850.337)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.499.241.715		34.976.093.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	67.390.690		56.998.721
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.917.656.003		3.499.241.715



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2014

Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng

Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301449014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 01 năm 2012, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này điều chỉnh cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 948 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.021 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 9
Thiết bị văn phòng	6 - 10

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng, trả trước tiền thuê đất của các lô đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2 và Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước và chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng có liên quan được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến bốn năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	27.684.307	99.601.972
Tiền gửi ngân hàng	489.971.696	899.639.743
Các khoản tương đương tiền	2.400.000.000	2.500.000.000
	2.917.656.003	3.499.241.715

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc một tháng với lãi suất 4,8%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ hơn ba tháng tới một năm với lãi suất từ 5,3%/năm đến 8,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: từ 6,8%/năm đến 9,0%/năm).

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.025.272.771	45.509.488.846
Công cụ, dụng cụ	1.624.870.522	2.921.470.239
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.771.777.769	5.893.506.046
Thành phẩm	10.268.355.101	12.532.851.256
Hàng gửi đi bán	1.295.721.558	-
	67.985.997.721	66.857.316.387
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.238.009.000)	(2.481.302.501)
	65.747.988.721	64.376.013.886

Trong năm, Công ty đã trích lập thêm dự phòng hàng tồn kho với số tiền là 57.228.948 đồng (năm 2013: Công ty đã trích lập thêm dự phòng hàng tồn kho là 1.481.302.501 đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	33.074.144.316	30.099.062.339	5.136.608.178	1.217.134.967	69.526.949.800
Tăng trong năm	64.350.000	1.616.647.727	-	-	1.680.997.727
Thanh lý	-	(390.678.505)	-	-	(390.678.505)
Tại ngày 31/12/2014	<u>33.138.494.316</u>	<u>31.325.031.561</u>	<u>5.136.608.178</u>	<u>1.217.134.967</u>	<u>70.817.269.022</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	13.340.558.952	23.295.657.809	1.531.298.640	1.144.020.216	39.311.535.617
Khấu hao trong năm	1.581.143.579	1.977.346.282	590.696.220	46.505.072	4.195.691.153
Giảm do thanh lý	-	(296.447.322)	-	-	(296.447.322)
Tại ngày 31/12/2014	<u>14.921.702.531</u>	<u>24.976.556.769</u>	<u>2.121.994.860</u>	<u>1.190.525.288</u>	<u>43.210.779.448</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>18.216.791.785</u>	<u>6.348.474.792</u>	<u>3.014.613.318</u>	<u>26.609.679</u>	<u>27.606.489.574</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>19.733.585.364</u>	<u>6.803.404.530</u>	<u>3.605.309.538</u>	<u>73.114.751</u>	<u>30.215.414.183</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.838.080.615 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 16.361.349.920 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp nhà xưởng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 12.776.383.792 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.549.648.216 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	14.917.549.433	101.564.580	15.019.114.013
Tại ngày 31/12/2014	<u>14.917.549.433</u>	<u>101.564.580</u>	<u>15.019.114.013</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	2.442.939.430	101.564.580	2.544.504.010
Khấu hao trong năm	253.262.820	-	253.262.820
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.696.202.250</u>	<u>101.564.580</u>	<u>2.797.766.830</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>12.221.347.183</u>	<u>-</u>	<u>12.221.347.183</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>12.474.610.003</u>	<u>-</u>	<u>12.474.610.003</u>

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 21/6D đường Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.100.813.399 đồng). Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại lô 835, bản đồ số 7, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 5.999.999.988 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.166.666.656 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005. Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại lô 1130, bản đồ số 7, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 4.120.533.791 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.207.129.948 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 4 năm 2012.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Mua máy móc thiết bị	538.119.000	679.815.360
Chi phí xây dựng nhà xưởng tại Tân Uyên, Bình Dương	4.970.395.296	5.246.955.232
Chi phí xây dựng nhà xưởng tại Mỹ Phước 2, Bình Dương	7.262.617.740	-
	<u>12.771.132.036</u>	<u>5.926.770.592</u>

Theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 4 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã đồng ý thông qua kế hoạch chuyển nhượng lô đất và nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương do thay đổi chiến lược kinh doanh. Công ty đang tìm kiếm đối tác phù hợp cho việc chuyển nhượng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2	23.654.146.598	24.242.787.401
Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	1.186.633.225	1.215.047.113
Chi phí trả trước dài hạn khác	713.701.061	1.308.807.012
	<u>25.554.480.884</u>	<u>26.766.641.526</u>

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm hiện tại và năm trước.

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Các khoản trích trước VND	Khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	560.018.750	(23.353.327)	300.764.538	843.432.746	1.680.862.707
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(5.987.250)	(7.625.807)	(295.924.538)	(843.432.746)	(1.152.970.341)
Tại ngày 31/12/2013	554.031.500	(30.979.134)	4.840.000	-	527.892.366
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	78.288.100	(8.531.074)	(4.840.000)	-	64.917.026
Tại ngày 31/12/2014	<u>632.319.600</u>	<u>(39.510.208)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>592.809.392</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	32.103.331.420	21.129.109.820
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	21.170.403.950	3.010.389.579
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch số 1	-	13.065.615.440
	53.273.735.370	37.205.114.839

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Commonwealth thể hiện các khoản vay bằng đô la Mỹ có hạn mức là 2.000.000 đô la Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 600812039/LC-CBAVN ngày 13 tháng 02 năm 2012. Hợp đồng này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà máy Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (xem thuyết minh số 8 và 9). Các khoản vay chịu mức lãi suất từ 1,7% - 1,9%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 180 ngày cho từng lần giải ngân.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank thể hiện các khoản vay bằng đô la Mỹ có hạn mức là 50.000.000.000 đồng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0221/KH/14NH ngày 04 tháng 10 năm 2014. Hợp đồng này được thế chấp bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Vietcombank. Các khoản vay chịu mức lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 6 tháng cho từng lần giải ngân.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	273.414.716	409.288.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.101.461.823	9.198.995.761
Thuế thu nhập cá nhân	123.524.676	79.160.760
	4.498.401.215	9.687.444.780

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lương và thưởng	12.131.820.000	11.486.809.000
Tiền thuê đất phải trả	6.074.417.473	5.096.624.473
Phải trả khác	1.696.397.145	1.581.710.660
	19.902.634.618	18.165.144.133

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	35.459.916.710	160.709.500.594
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.363.767.134	36.363.767.134
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(18.670.257.000)	(18.670.257.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.636.376.714)	(3.636.376.714)
Tại ngày 31/12/2013	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	49.517.050.130	174.766.634.014
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	51.630.764.814	51.630.764.814
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.163.076.481)	(5.163.076.481)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(17.633.020.500)	(17.633.020.500)
Tại ngày 31/12/2014	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	78.351.717.963	203.601.301.847

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã công bố tạm chia cổ tức bằng 25% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2013 với số tiền là 25.930.912.500 đồng. Theo đó, trong năm 2013, Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng 18% mệnh giá cổ phần với số tiền là 18.670.257.000 đồng và thực tế đã thanh toán với số tiền là 18.658.868.400 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014, Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng 7% mệnh giá cổ phần còn lại với số tiền là 7.260.655.500 đồng.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2014, Công ty đã công bố tạm chia cổ tức bằng 10% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2014 với số tiền là 10.372.365.000 đồng. Công ty đã thanh toán với số tiền là 17.622.264.600 đồng trong năm tài chính 2014.

Đồng thời, quỹ khen thưởng, phúc lợi cũng được phê duyệt trích lập bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014.

Cổ phần

Số lượng cổ phần đang ký phát hành	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn	10.372.365	10.372.365
Cổ phần thưởng	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phần đang lưu hành	10.372.365	10.372.365
Cổ phần thưởng	10.372.365	10.372.365
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

17. DOANH THU THUẦN

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng thuần	263.419.192.670	236.683.363.027
Doanh thu cung cấp dịch vụ thuần	660.000.000	683.566.362
	264.079.192.670	237.366.929.389

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu thu được từ hoạt động sản xuất và bán đồ gỗ gia dụng và đồ chơi trẻ em bằng gỗ mà không có sự khác biệt nhiều về rủi ro cũng như tỷ suất lợi nhuận của hai mặt hàng này, do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và bán sản phẩm đồ gỗ. Ngoài ra, mặc dù Công ty có doanh thu từ hoạt động xuất khẩu và doanh thu từ nội địa, doanh thu từ hai hoạt động này không có sự khác biệt nhiều về rủi ro và tỷ suất lợi nhuận, do đó, không cần thiết phải trình bày thông tin về báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho hai loại hình doanh thu này.

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.735.835.065	107.940.492.651
Chi phí nhân công	83.894.820.391	54.459.616.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.448.953.973	5.701.863.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.874.270.222	8.012.805.777
Chi phí khác	2.079.223.094	14.994.153.713
	213.033.102.745	191.108.932.076

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.960.493.641	5.666.998.768
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	452.928.190	811.467.427
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	178.712.130
Chiết khấu thanh toán	85.675.986	76.093.216
	7.499.097.817	6.733.271.541

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	889.581.412	1.101.597.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	845.815.598	1.108.414.229
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	164.830.897	-
Chiết khấu thanh toán	-	692.300
	1.900.227.907	2.210.703.635

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Thu từ bán phế liệu	2.237.309.545	1.170.752.953
Thu từ thanh lý tài sản	644.728.805	1.304.053.046
Các khoản khác	727.943.796	233.777.136
	3.609.982.146	2.708.583.135
Giá trị còn lại của tài sản đã thanh lý	(799.545.247)	(1.236.832.335)
Các khoản khác	(77.983.985)	(543.921.316)
	(877.529.232)	(1.780.753.651)
Lợi nhuận khác	2.732.452.914	927.829.484

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	67.099.418.826	51.708.394.703
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(179.591.855)	(47.400.935)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.332.323.811	5.856.381.802
Thu nhập chịu thuế	71.252.150.782	57.517.375.570
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.675.473.172	14.379.343.893
Trừ: Chi cho lao động nữ	(55.800.000)	(72.600.000)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	(86.102.134)	(115.086.665)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	15.533.571.038	14.191.657.228

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế theo quy định hiện hành.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	51.630.764.814	36.363.767.134
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.630.764.814	36.363.767.134
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.372.365	10.372.365
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.978	3.506

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2014, Cơ quan thuế đã thực hiện việc kiểm toán thuế trên hồ sơ thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2011. Hiện nay Công ty đang làm việc với Cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan để thống nhất kết quả kiểm tra cuối cùng. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty ký hợp đồng cam kết mua máy móc và xây dựng nhà xưởng tại Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương với trị giá là 2.577.341.644 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 474.248.600 đồng).

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.381.793.000</u>	<u>2.948.515.321</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.964.415.366	2.136.985.880
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.526.076.832	4.941.943.519
Sau năm năm	33.972.012.263	35.662.935.589
	<u>41.462.504.461</u>	<u>42.741.864.988</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 4.877 m² đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương với số tiền lần lượt là 0,2 đô la Mỹ/m²/năm đối với việc thuê đất và 0,02 đô la Mỹ/m²/tháng đối với phí cơ sở hạ tầng tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tiền thuê đất được chi trả ổn định trong một kỳ là 5 năm và được thanh toán định kỳ hai lần mỗi năm. Giá thuê và phí cơ sở hạ tầng lần lượt sẽ được điều chỉnh tăng sau mỗi kỳ 5 năm nhưng không quá 15% và 20% so với giá của kỳ 5 năm trước đó. Hợp đồng thuê đất có thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 đến 30 tháng 6 năm 2056.
- Tổng số tiền thuê và phí cơ sở hạ tầng phải trả cho việc thuê 100.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương với số tiền lần lượt là 0,2 đô la Mỹ/m²/năm đối với việc thuê đất (tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2005) và 0,02 đô la Mỹ/m²/tháng (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2006) đối với phí cơ sở hạ tầng. Tiền thuê đất được chi trả ổn định trong một kỳ là 5 năm. Giá thuê và phí cơ sở hạ tầng lần lượt được điều chỉnh tăng sau mỗi kỳ 5 năm nhưng không quá 15% và 20% so với giá của kỳ 5 năm trước đó. Công ty sẽ được miễn 5 năm tiền thuê đất nếu trên 80% sản phẩm làm ra được xuất khẩu liên tục trong suốt thời gian hoạt động. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 10 tháng 8 năm 2007 đến 14 tháng 01 năm 2055.
- Tổng số tiền thuê 7.450 m² đất tại xã Phú An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Số tiền thuê là 22 triệu đồng/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Hợp đồng thuê có hiệu lực 10 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê nhà tại 172 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận với số tiền là 50 triệu đồng/tháng từ ngày 07 tháng 7 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2014 và tăng lên thành 60 triệu đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 07 tháng 7 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê nhà tại Phú Mỹ Hưng, quận 7, với số tiền là 40 triệu đồng/tháng. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2014.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	VND	VND
Các khoản vay	53.273.735.370	37.205.114.839
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	3.499.241.715
Nợ thuần	50.356.079.367	33.705.873.124
Vốn chủ sở hữu	<u>203.601.301.847</u>	<u>174.766.634.014</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,25</u>	<u>0,19</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	3.499.241.715
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.100.000.000	91.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.941.346.340	22.763.071.440
Các khoản ký quỹ	270.000.000	270.000.000
	<u>154.229.002.343</u>	<u>117.532.313.155</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	53.273.735.370	37.205.114.839
Phải trả người bán và phải trả khác	8.648.846.164	9.975.035.826
Chi phí phải trả	7.770.814.618	7.134.185.099
	<u>69.693.396.152</u>	<u>54.314.335.764</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
USD	12.793.694.062	14.258.735.133	53.273.735.370	37.205.114.839

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 809.600.826 đồng (năm 2013: 458.927.594 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay theo lãi suất thả nổi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay tăng/giảm 20 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 106.547.471 đồng (năm 2013: 74.410.230 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	-	2.917.656.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.100.000.000	-	134.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.941.346.340	-	16.941.346.340
Các khoản ký quỹ	-	270.000.000	270.000.000
	153.959.002.343	270.000.000	154.229.002.343

Các khoản vay	53.273.735.370	-	53.273.735.370
Phải trả người bán và phải trả khác	8.648.846.164	-	8.648.846.164
Chi phí phải trả	7.770.814.618	-	7.770.814.618
	69.693.396.152	-	69.693.396.152

Chênh lệch thanh khoản thuần	84.265.606.191	270.000.000	84.535.606.191
-------------------------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.499.241.715	-	3.499.241.715
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.000.000.000	-	91.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.763.071.440	-	22.763.071.440
Các khoản ký quỹ	-	270.000.000	270.000.000
	117.262.313.155	270.000.000	117.532.313.155

Các khoản vay	37.205.114.839	-	37.205.114.839
Phải trả người bán và phải trả khác	9.975.035.826	-	9.975.035.826
Chi phí phải trả	7.134.185.099	-	7.134.185.099
	54.314.335.764	-	54.314.335.764

Chênh lệch thanh khoản thuần	62.947.977.391	270.000.000	63.217.977.391
-------------------------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Ứng trước tiền mua lại đất và xưởng Phú An cho ông Lê Hồng Thắng	3.500.000.000	-
Thanh toán tiền thuê xưởng Phú An cho ông Lê Hồng Thắng	<u>264.000.000</u>	<u>264.000.000</u>
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:		
	2014 VND	2013 VND
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	<u>2.214.932.000</u>	<u>2.269.965.000</u>
Số dư với Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ứng trước tiền mua lại đất và xưởng Phú An cho ông Lê Hồng Thắng	<u>3.500.000.000</u>	-

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2015.


Lê Hồng Thắng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2014

Bùi Phương Thảo
 Kế toán trưởng

Trần Nguyễn Việt Trung
 Người lập




Mrs. Lieu's glad to report to her father **2014** on Duc Thanh's achievement

Dear Shareholders,

Having grown up and inherited resplendent traditional background from family business, experiencing the process of equitization to become more active and transparent in the reliance of counterparts and shareholders, Duc Thanh Wood Processing JSC has operated and developed for more than 24 years. The brand name of Duc Thanh Wood became sustainable in domestic and reached out overseas, proved its stable and sustainable presence in wood processing industry.

Ladies and Gentlemen!

In recent years, 2014 has been recognized as a year that Vietnam overcame the economic growth target. Macroeconomy stays pretty stable, inflation rate is low, suitable interest and exchange rate are lightly adjusted. In contrast, there are numerous difficulties and challenges for examples: growth rate is not compatible with potential, domestic demand recovers slowly, worldwide dispute happens many places, especially conflicting in East Sea... In this situation, though statistics shows that Vietnamese economy starts recovering, productivity and competitive rate of the economy is still not improved.

Facing the current difficult economic situation in 2014, we've thoroughly applied our guideline which is "Upgrading management is upgrading quality. Keeping prestige is keeping customers' loyalty". We still remain business policy, which says not refusing any order in small or large quantity; Not focusing on any niche market, but executing order to all counterparts in domestic and overseas. Keeping good company image, remaining and keeping close eyes on available relationship and expanding to look for new customer sources. Flexibly applying suitable rates to each counterpart. Thanks to these factors, Duc Thanh Wood has overcome difficulties, various constant economic crisis.

In the new year, I am so proud and glad to announce that figures which our company achieved have surpassed the initial plan again. This year, total revenue in 2014 achieved 264 billion VND, increasing by 11.3% compared with the same period and by 4.5% against the target. Profit before tax has gone up by 29.8% compared with the same period, meanwhile increasing by 16.8% against the target. It can be said that these impressive figures has made each member of us encouraged, meanwhile they also show that our utmost and striving in the last year have been satisfactorily compensated.

To have the fly color figures as the above, I would like to send our sincere and profound gratitude to distributors, agencies, strategic counterparts in domestic and overseas, shareholders who went along with us during the last 24 years. Besides, we also highly appreciate energy, effort, determination of many staff generation to work together; flexibility, determination of the Board of Management along with the close and timely instruction of the Board of Directors.

Stepping into the year 2015, the global economic situation has been expected to have significant recover, global growth rate has been predicted to increase compared with the year 2014. Besides, political situation remains fluctuations: the crisis and the war against the Islamic State of IS in the Middle East, the West's embargo with Russia ... will impact the global economy. Therefore, we should not fall asleep in the victory and must be constantly wary against unforeseen circumstances that may occur. Even though the market will have fluctuations, I believe that with the business capacity and the determination to maintain traditional business culture in its many years, the Duc Thanh will certainly achieve new success.

Dear our Shareholders,

With the accomplishments achieved in the past year, I no longer worry or doubt about the leadership capacity of the young Executive Board. After 3 years handing over my power to young successors, I can truly acknowledge all leaders and staffs are really united, determined and best diligent to complete the assigned mission, so I am fully confident to put my faith into these successors.

Finally, on behalf of Duc Thanh Wood Processing JSC's Board of Directors, I would like to send my sincere and profound gratitude to our Shareholders, Customers, counterparts and all Staff who contributed and went along with us on our path of development over the years. With the strategy and business guideline towards the true value for customers that Duc Thanh Wood chose and carried out over the years, I believe that we have enough backgrounds to continue to maintain steady growth in the upcoming years.

To prepare for the integration process of the world economy, Duc Thanh Wood hopes to continue receiving support and close cooperation from all of you here, and the investors in domestic and overseas. Hopefully, when having enough collective strength we will continue to find new victories.

**On the behalf of Board of Directors
Chairperson**

LE HAI LIEU



MAIN REPORTS

- Board of Directors report
- Board of Executives report
- Board of Supervisors report
- Audited financial statement

BOARD OF DIRECTORS

Board of Directors from 2010 – 2014 term comprises of 5 members, in which 3 are executive directors and the 2 others are independent ones. The board of directors 's members always offer suggestions to enhance the company efficiency activities, focus on strategic planning for long-term development to satisfy the shareholders.

1 Ms. Le Hai Lieu
Chairperson.



Ms. Lieu was born in 1962. She used to be a lecturer of Statistics-Maths, Ho Chi Minh City University of Economics for 7 years, then post-graduate in West Germany. She has been working for Duc Thanh Company over 20 years.

Ms. Lieu leads the company to develop from a wood processing establishment with the capital of VND 2 billions and 100 workers in 1993 to become a joint stock company posted on HOSE with the capital of VND 103 billions and nearly 1,100 workers recently.

During the developing process of GDT, she is the inspiration and leader with strategy vision. She has succeeded in creating a sound strategic orientation for Duc Thanh Company to achieve great and sustainable development over many challenges.

Since Apr. 2012, Ms. Lieu has resigned as the CEO to focus on Chairperson's mission. She has been acting as a special consultant of the successor on the company management and administration.

2 Mr. Le Hong Thang
Vice Chairman and CEO



Mr. Thang was born in 1975. He is a Bachelor of Dynamic Mechanical Engineering, Ho Chi Minh City University of Technical Education.

Since Jan. 2013, Mr. Thang replaced Ms. Lieu to act as a new CEO of Duc Thanh Company. Owing to his 18 years experience working at Duc Thanh, he has intensive knowledge in technique of wood processing industry, production management and the company specific business as well. These advantages have helped him make great contribution in excellently satisfying all complex and urgent production orders. So, he continues managing the company successfully, helping company overcome the difficulties and completing assigned tasks of a CEO position.

He rearranged the production process, saved raw materials. He also worked out essence methods in production system in order to reduce costs, to increase turnover and profit for the company and for shareholders.

3 Mr. Le Hong Thanh
Commissioner, Deputy General Director.

Mr. Thanh was born in 1973. Working at GDT over 20 years, he has great experiences in administration of both import – export and production. He is promoted from a staff to Deputy General Director as of now.

He defines human resource development strategy, proposes regime for keeping labor therefore always guarantee sufficient labor force for production. Besides, he has contributed so much in finding material sources which have stable prices and good quality enough to meet production and help company reduce the costs significantly.



4 Mr. Tran Xuan Nam
Independent Board Member.

He was born in 1966. He is a Bachelor of Economics, Ho Chi Minh City University of Economics. With over 18 years experience in investment industry and stock trading, he is known as an excellent advisor to Duc Thanh company for investment strategy, issuing and shareholder relation.

He is now acting as a Deputy General Director of Southern Securities Corporation (PNS)



5 Mr. Nguyen Cong Hieu
Independent Board Member.

Mr. Hieu was born in 1961. He is a Bachelor of Foreign Trade and Mechanics, Pr. CEO.

With 25-years administrative experience, he has good knowledge of business law and provided the Company with advisory in terms of many matters...

Since 10/09 : Director of Transimex – Saigon Real Estate MTV Co., LTD.
Since 05/08: Manager of Administrative dept. of Transimex - Saigon.



Dear Shareholders,

Starting business in the early 1990s, when the market in Vietnam as well as the wood processing industry was still very inceptive compared with today. Experiencing 24 years, the wood processing industry, in general, has had many dramatic and comprehensive changes; in particular, GDT has developed its own brand and become one of the reputable companies in Vietnam, close to consumers throughout domestic and oversea markets.

Currently, Viet Nam has deeply integrated into the orbit of globalization, the WTO and AFTA agreements will have removed tariff barrier by 2018. Viet Nam will join the TPP as well as participate in different free trade agreements. In that scene, GDT will continue to strengthen internal resources and maintain the leading position, take the initiative in catching up linking opportunities, collaborate to accelerate growth rate, diversify many kinds of product for consumers' wide demand.

Ending the last year of 2014, I am so proud and happy to announce Shareholders that, GDT has achieved remarkable results beyond the plan that has been entrusted at the last meeting.

I. YEAR 2014 REVIEW

1. Results of production and business

Criteria	Unit	Plan	Actual	Increase (%)
1/ Total revenue	Billion dong	252,812	264,079	104.5%
2/ Profit before taxes	Billion dong	57,425	67,099	116.8%
3/ Profit after taxes	Billion dong	44,792	51,630	115.3%

- The real estate market in 2014 remains difficulties, "remains in the bottom area" hence the land use rights at My Phuoc 2 Industrial Zone, Binh Duong province) sale transaction has not been carried out yet.
- The company has finished building the expansion of the manufacturing plant at Tan Uyen, Binh Duong with approximately 8.000 m² has been put into operated since February 2015.

2. Board of Directors' Activities

Playing role as the highest manager, representing the interests of Shareholders, Board of Directors of five incumbent members of which two are independent members have been actively performing their own roles and duties strictly in accordance with the company regulations. Board of Directors is held as a specialized organization, who make general decision case by case to achieve and exceed all targets that General Shareholder Meeting has proposed step by step. In 2014, Board of Directors carried out:

*** Organizing periodic meetings complies with the Company Regulation**

- 4 quarterly meetings: to ratify results of the periodic business and making plan for the next quarter;
- 2 extraordinary meetings: to ratify the implementation of the dividend advancing by cash.
- Meanwhile, Board of Directors also convened and successfully organized the annual General Shareholder Meeting for the fiscal year 2013

*** Directing, supervising and urging timely operations of Board of Executive through**

- Attending and giving controlling opinions in:
 - The important meetings of the Board of Executives on the implementation of the resolutions and decisions of the Board of Directors, or the preparation of proposals and projects to present to the Board of Directors
 - Monitoring and catching up the process of executive and manufacture, going through the reports and documents of Board of Executives sent to Board of Directors.
- Directly instructing and contributing timely opinion to the Board of Executives in some important issues arising in the process of executive and manufacture .

*** External Auditor**

- Board of Directors, in combination with Board of Supervisors, has selected Deloitte Vietnam Co., Ltd to audit for GDT in fiscal year of 2014. During the working time, GDT has adequately provided documents, met full standards of accounting duly and auditing firm also worked very closely and responsibly.

*** Remuneration of Board of Directors and Board of Supervisors**

- With mechanism of full-time specialized action, members of Board of Directors and Board of Supervisors have been assigned more tasks, each of members has been self-improving the productivity... to supervise all activities of the company, to ensure the highest business performance. The results of this seri of activities that profit before taxes exceeded by 16.8% compared with the initial plan. In 2014, the total remuneration paid to the Board of Directors and Board of Supervisors is 900 million VND, accounting for 0.3% of total revenue in 2014.

*** Shareholders' Relationship**

- The rules of publishing information are well executed, ensure punctually, publicly and transparently.
- Maintaining regular activities, providing contact information for shareholders, investors in domestic and overseas through various channels with information of high quality, being highly appreciated by investors.
- The company has conducted dividend advancing under the Resolution of General Shareholders Meeting dated 26/04/2014 (from 25% to 30% in cash and shares with common share value), in detailed words:
 - Distributed dividend of 10% in cash for first time of 2014 on 30/10/2014
 - Distributed dividend of 10% in cash for second time of 2014 on 29/01/2015
 - The remaining dividend will be done immediately once the resolutions of General Shareholders' Meeting for annual review 2014 is stated.

II. YEAR 2015 COURSE OF ACTION

- According to many leaders and economic experts, in 2015:
 - Vietnam's economy will have signs of recovery, but there are still many difficulties and challenges pending.
 - World economy is supposed to get pretty recovery, most of countries leading the growth of the world economy, such as the US, Japan ...
- In that situation, DTW defines that the targets for fiscal year 2015 is continuing to develop in more depth With the motto "management enhancement means quality improvement, virtuousness maintenance means customer retention", Board of Directors set goal for operating programs in 2015 with a focus as the following:

1. Re-electing members of the Board of Directors, the Board of Supervisors for year 2015 - 2019
2. Creating and completing business strategy for year 2015 - 2019, determining to make DTW become a leading wood processing manufacturer in Vietnam and expand into overseas market.
3. Focusing on increasing scale and expanding market share in the main fields of business, as well striving to fulfill the business plan targets in 2015 to ensure safety and saving. In details:
 - Total revenue will reach 289.8 billion, increasing by 10% compared with that in 2014
 - Profit before taxes will reach 73.8 billion, increasing by 8% compared with that in 2014.
 - Profit after taxes will reach 57.6 billion, increasing by 9% compared with that in 2014
4. Distributing dividend by stock to Shareholders and increasing its charter capital up to 120 billion to strengthen power of the company.
5. Proposing to present the Shareholder Meeting matters under the decision of General Share holders' Meeting in fiscal year of 2015; organizing quarterly Board of Directors' Meetings to discuss, to ratify reports, plans ... to instruct timely and effectively the implementation of the proposed resolutions of the General Shareholders' Meeting.
6. Searching and selecting strategic counterpart to strengthen power of the company.
7. Training, caring and developing human resources, improving business culture as well to connect and widespread throughout the company.
8. Directing the management, controlling and operating the factories safely, stably, ensuring product qualified and efficiency.
9. Increasing financial management in accordance with standards, doing the internal audit effectively. Continuously trying to proceed the sale transaction of land use rights in My Phuoc 2 Industrial Park, Binh Duong province to make profit after taxes of approximately 25 billion for the company.
11. Continuing to promote relationship and to maintain mechanisms of information for Shareholders and Investors.

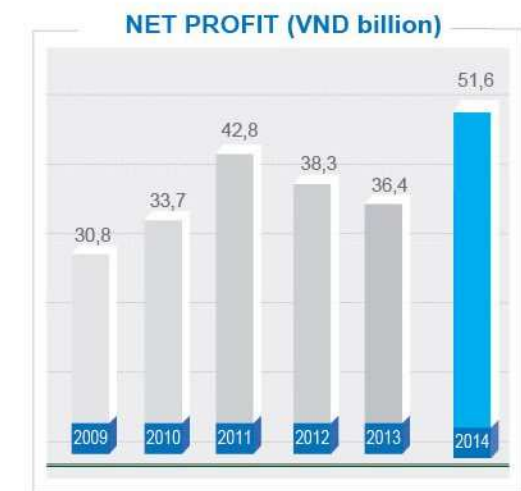
Board of Directors highly appreciate and sincerely thank the dedications and efforts of General Director, Board of Executives and unity of all staff throughout the system, who are always hard-working to contribute good results to business performance, to build a stronger and more sustainable brand name of GDT as of today.

Looking back to the development of GDT, we also respect the fellowship, support and solid cooperation of Shareholders, Investors, Counterparts, Suppliers, Distributors, etc. ...who have importantly contributed to the success of GDT. This is the power and belief for us in the next developing stage.

Last but not least, we wish Shareholders a good health to achieve more successes.

**On behalf of Board of Directors
Chairperson**

LE HAI LIEU



Items	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Revenue (VND billion)	174,3	175,0	219,7	231,3	237,4	264,1
Net profit (VND billion)	30,8	33,7	42,8	38,3	36,4	51,6
Return on equity (ROE)	26.56%	25.96%	28.80%	24.09%	21.68%	27.29%
Return on assets (ROA)	17.21%	17.32%	21.44%	16.53%	13.96%	18.01%

Despite facing difficulties and challenges during the year, DTW still managed to maintain business efficiency.

- Revenue increased 11.3% compared to 2013's result, overachieved 4.5% against the target.
- Net profit overachieved 15.3% against the target.

• *GDT's core values are Stability, Efficiency and Sustainability.*

Unit: 1,000 VND

Income statement	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Net revenue	174,267,882	175,017,411	219,685,394	231,283,510	237,366,929	264,079,192
Gross profit	64,307,151	64,983,292	73,327,592	69,262,391	80,574,288	91,832,597
Operating income	37,389,385	38,712,660	47,215,896	45,929,782	50,780,565	64,366,965
Profit before tax	37,826,849	41,463,249	49,289,779	47,076,876	51,708,395	67,099,418
Corporate Income tax	7,001,401	7,804,185	6,528,330	8,774,013	15,344,628	15,468,654
Net profit	30,825,448	33,659,064	42,761,449	38,302,863	36,363,767	51,630,764
Profit margin	36.9%	37.1%	33.4%	29.9%	33.9%	34.8%

Balance sheet	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Total assets	195,960,187	192,721,282	206,247,795	257,095,672	263,766,525	309,707,879
Chartered Capital	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650
Average outstanding shares	10,162,730	10,372,365	10,372,365	10,372,365	10,372,365	10,372,365
Shareholders' capital	119,692,652	139,613,444	157,354,019	160,709,501	174,766,634	203,601,301

Other items	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Asset structure						
Current assets/Total assets	50.72%	51.67%	57.94%	66.67%	71.12%	74.47%
Non-current assets/Total assets	49.28%	48.33%	42.06%	33.33%	28.88%	25.53%
Capital structure						
Liabilities/ Total capital	38.92%	27.56%	23.71%	37.49%	33.74%	34.26%
Shareholders' capital/ Total capital	61.08%	72.44%	76.29%	62.51%	66.26%	65.74%

Profitability ratio	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Return of assets (ROA)	17.21%	17.32%	21.44%	16.53%	13.96%	18.01%
Return of equity (ROE)	26.56%	25.96%	28.80%	24.09%	21.68%	27.29%
Net profit/ Chartered capital	29.72%	32.45%	41.23%	36.93%	35.06%	49.78%
Net margin	17.69%	19.23%	19.46%	16.56%	15.32%	19.55%
Earning per share (EPS)	3,033	3,245	4,123	3,693	3,506	4,978



BOARD OF EXECUTIVES & CHIEF ACCOUNTANT

1. Ms. Le Hai Lieu

Chairperson (See page 72)

3. Mr. Le Hong Thanh

Deputy General Director (See page 73)

5. Mr. Nguyen Van Duc

Deputy Technical Director

Date of birth : 06/07/1955

Education : Junior College of Mechanics, Ho Chi Minh City University of Science and Technology
He has been working as Deputy Technical Director of Duc Thanh company since 2003. He has made great contribution to technical improvement to enhance effective and economical productivity.

1995 - 2003 : Foreman of Duc Thanh Company

1992 - 1995 : Technician of Duc Phat Plywood Company.

1988 - 1992 : Outworking Technician.

1977 - 1988 : Technical supervisor of Chemical Mechanic Plant.

7. Mr. Che Dong Khanh

Deputy Production Director

Date of birth : 18/7/1976

Education : 12/12

Since 2011, Mr. Khanh acts as a Deputy Production Director. Owing to many years of experiences in wood processing industry, he always ensures the production schedule on time, gets high quality and increases the productivity.

2009 - 2011 : Production Foreman of Duc Thanh Wood company.

2007 - 2009 : Deputy Production Foreman of Duc Thanh Wood company.

2003 - 2005 : Production Foreman of Finishing, Sanding and Edging sections of Duc Thanh Wood Company

2. Mr. Le Hong Thang

Vice Chairperson and CEO (See page 72)

4. Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen

Human Resource Director

Date of birth : 02/10/1974

Education: Bachelor of Accounting, Ho Chi Minh City University of Commerce

Having been working for Duc Thanh since 1995, she has experience in different jobs, always successfully all assignments. She also executes, recruits and trains effectively to keep the stable human resources for the company.

Since 11/2012 : Human Resource Director of GDT

2003 - 10/2012 : Human Resource Manager of GDT

1997 - 2003 : Domestic Sales Representative and Accountant of Duc Thanh Company.

1995 - 1997 : Domestic Sales Representative of Duc Thanh Wood Company.

6. Ms. Bui Phuong Thao

Chief Accountant

Date of Birth : 01/01/1979

Education: Bachelor of Economics, University of Economics Ho Chi Minh City.

Since 2011 to now, Ms. Thao is a Chief Accountant and Accounting Manager, she has a lot of experiences in financial-accounting field. She assists Board of Executives effectively in managing financial activities of the Company

2011 to Now : Chief Accountant and Accounting Manager of Duc Thanh Wood Company

2009 - 2011 : Vice Accounting Manager of Duc Thanh Wood Company

2006 - 2009 : Accountant of Duc Thanh Wood Company

2001 - 2005 : Accountant of Minh Giang Mechanics Co., Ltd

BUSINESS PERFORMANCE IN 2014

Marking the process of 24 years of establishment and development, 2014 has marked the outstanding efforts of the leaders and all staffs of Duc Thanh Wood company to prove its position in the wood industry in domestic and overseas markets.

In 2014, Duc Thanh Wood had favorable conditions and had to overcome the difficulties, as the following:

* Advantages

- Duc Thanh Wood has strong financial resources and an generation of management with experiences, big vision and great enthusiasm.
- The expansion of manufacturing factory, storage enough raw materials to supply for the manufacture is also an advantage that no other company can do like that
- Highly skillfull and experienced staffs. This is a very important factor in the development of Duc Thanh Wood products.
- The companionship and close of Board of Directors, shareholders have helped Duc Thanh Wood maintain its position and stable development.
- Besides above advantages, Duc Thanh Wood also has received the attention and support of suppliers ... so materials is always supplied punctually with high quality.

* Disadvantages

- Vietnam market faced with many difficulties, which directly affected the production and business activities; the demand of the consumer declined; market was kept under pressure of psychological defense.
- Geographical and political conflict in some parts of the world, especially East - West War in Ukraine, instability in East Sea, East China Sea, together with currency fluctuations... had bad influences on the recovery pace of the economy.
- European economy grew slowly due to the overdue debt crisis; the financial instruments, especially the policy of "austerity" didn't come into effective any more. The economic sanctions against Russia around the issue of Ukraine also had counter effect on the economy of the European Union

1. Revenue performance in 2014

Until 31 December 2014, DTW has achieved the financial targets as the following: *Unit: Billion VND*

No	Criteria	Actual 2013	Actual 2014	Increase/ Decrease compared with the same period	Plan 2014	Increase/ Decrease compared with the plan
	(1)	(2)	(3)	(4) = (3)/(2)	(5)	(6) = (2)/(3)
1	Total Revenue	237,366	264,079	111.3%	252,812	104.5%
	- Export	188,393	207,298	110.0%	198,152	104.6%
	- Domestic	48,289	56,121	116.2%	54,000	103.9%
	- Factory lease	0,683	0,660	96.6%	0,660	100.0%
2	Profit before taxes (*)	51,708	67,099	129.8%	57,425	116.8%
3	Profit after taxes	36,363	51,630	142.0%	44,792	115.3%

Note: (*) Please see audited detailed report on page 94

In 2014, the wood control and management were very strict and careful; wood using and utilizing are very efficient ...which contributed to higher profit before tax of 67,09 billion, increasing by 29.8% compared with that of 2013.

- **Export Revenue:** reached VND 207 billion, accounting for 78.5% of the total revenue. The products are mainly exported to countries such as South Korea, Japan, Thailand, Hong Kong, Germany, UK, Italy, USA, France, Netherlands, Australia ... in which Asia accounted for 76.1%, European accounted for 19.2% of the total export revenue.
- **Domestic Revenue:** reached VND 56 billion, increasing by 16.2% compared with that of 2013, accounting for 21.3% of the total revenue of the company and exceeding by 3.9% compared with the initial plan.

Being outstanding in the year, the Domestic Department has continued to exploit the potential project customers. Project customers coming from large companies such as Dutch Lady, Abotte; P & G ... has significantly contributed to the increase in domestic revenue this year.

In addition, the kitchenwares with Duc Thanh Wood brand name and "Winwintoy's" kid toys were displayed and sold through 1,300 stores, dealers throughout the country, including:

- Ho Chi Minh City and the southern provinces, South East area accounted for 84%
- Hanoi and the northern provinces accounted for 12%
- Da Nang and central provinces accounted for 4%

2. Financial Statements

The financial performances of Duc Thanh Wood in 2014 are:

- Managing finance carefully and tightly, and not meeting any objective risk from the market.
- Promoting exchange rate and interest fluctuations monitor among periods and among banks ...to make the suitable and exact decisions contributing to the profits from financing activities for the company by 5.6 billion VND

Criteria	2013	2014
Profitability		
Profit rate after taxes/ Net revenue	15.32%	19.55%
Profit rate after taxes/ Owners' capital average	21.68%	27.29%
Profit rate after taxes / Total assets average	13.96%	18.01%

3. Book Value at December 31st, 2014

- Owners' capital : 203.601.301.847 VND
- Tangible fixed assets : 27.606.489.574 VND
- Intangible assets : 12.221.347.183 VND
- Number of outstanding shares : 10.372.365 shares
- Book value per share : 18.451 VND
- Profit after taxes per share of the company, EPS is 4.978 VND/share.
- The closing share price on Hose on 31/12/2014 is 34.800 VND/share, so PE of Duc Thanh Wood's share is 7,0.

4. Manufacturing Activities

In 2014, Board of Executive established and maintain a team of 20 staffs who always look for ineffective problem, and may need to improve efficiency, profitability, productivity and spend a compliment fund to all suggestions for improvement. Until 31 December 2014, the company's net profit reached 20% compared with revenues of 264 billion VND.

5. Investment to expand production

- Duc Thanh Wood has expanded the construction of factories in Tan Uyen, Binh Duong and will put it into operation in February 2015 with a total budget of approximately 15 billion VND
 - Land and paths: 4,061,750,000 VND
 - Fire distinguish and fences building: 10,920,935,000 VND

6. Salary and bonus of Board of Executive

- Salary and bonus of Board of Executive in 2014 was 2.214.932.000 VND.

7. Activities of organization and personnel

- Duc Thanh Wood has constantly improved methods of management and administration, always prioritize the development of human resources; human resources are considered as assets of the company, which is the determining factor of success and sustainable development Duc Thanh Wood company.
- So far, the Duc Thanh Wood is proud to have a team of loyal employees, always uniting and working together for the whole company interests. Until 31 December 2014, the total number of employees of Duc Thanh Wood is 948 people, including:
 - There are 796 directly manufacturing workers and 152 indirectly manufacturing workers.
 - There is one employee with master's degrees, 48 bachelor degrees, 31 college degrees and 21 intermediate professional degrees.
- With the aim of creating favorable conditions for the workers to work with an long-term assurance, Duc Thanh Wood has many preferential policies for employees. Salaries of employees are paid on time and are reviewed to periodical adjustment according to the work efficiency. In addition to the salary, the employee is also entitled to a bonus according to the progress of work. In particular, the company has bonus policies for excellent individual and team working with high work efficiency etc ...
- To make all official staffs of the company have the beneficiary of the policies in accordance with the Labour Code Vietnam, Duc Thanh Wood has took full participation in Social insurance, Z insurance 24/24 hours for all staffs. In addition, the company also subsidizes for staff with sickness - hospitalization, maternity, weddings etc ... Duc Thanh Wood also raised fund, and gave scholarships to children of all staffs with high study record under special regulations of the company.
- Regarding to the work environment, Duc Thanh Wood always pays a close attention to maintaining a happy atmosphere, solidarity and create good condition for employees to promote energy and creativity ... always respects, listens to and shares ideas to help employees work well and comfortably. Annually, Duc Thanh Wood is also interested in caring for the spiritual life of staffs by organizing trips on holiday, sport competition, music show ... to help all staffs relax after stressing working days.
- Thanks to the preferential policies, the close interest of the leadership with staffs over 24 years, Duc Thanh Wood has never faced with the strike. This is the pride of the company. When human resources are always maintained and stable, the counterparts will be more reliable because of the ability to provide timely products for large orders.

8. Social connection

- The success of the Duc Thanh Wood is always associated with meaningful stories about the social responsibility of a brand name. With the guideline towards and shares with the community, Duc Thanh Wood has always focused on the stable development of society
 - Raising fund and caring for difficult people in Binh Duong
 - Supporting for Poor Patients Association in HCMC
 - Supporting for the Gratitude Board of management of Go Vap District People's Committee
 - Raising fund for means of containing clean water for people in Can Gio District.
 - Raising fund for the Poor Fund of Phu Nhuan District People's Committee etc ...

PLAN FOR 2015

Board of executives will try best to undertake the revenue growth plan for 2015

Unit: Billion VND

No	Criteria	Actual 2014	Actual 2015	Increase
1	Total revenue	264,079	289,897	110%
	- Export	207,298	227,237	110%
	- Domestic	56,121	62,000	110%
	- Factory lease	0,660	0,660	-
2	Total Costs	195,752	216,064	110%
3	Profit before taxes from operating activities	68,327	73,833	108%
4	Total profit after taxes	53,004	82,590	156%
	- Profit after taxes from operating activities	53,004	57,590	109%
	- Profit after taxes if sucessfully transferred the land plot in My Phuoc 2, Binh Duong	-	25,000	-

Base on the existing background, Duc Thanh Wood will focus on the following objectives in 2015:

1. Implementing the improvements to increase the efficiency of production and business.

These improvements are operating philosophy of the company with the aim to meet the active changes of the market. In addition, we always ensure production efficiency at the lowest cost:

- Closely monitoring the wood market, raw materials, reserveing at resonable cost; ensuring that Duc Thanh Wood always has enough wood to make orders in domestic, and export at a suitableprice.
- Reducing production costs in difficult economic period; ensuring the financial condition of company to be pure; using the loan at the lowest level and the most effective.

2. Developing more product lines and strengthen marketing activities in domestic and overseas

- Developing more product lines, as well as changing in technology to make a difference between the existing product lines; upgrading the design team, creating new products in accordance with the demand and interest of consumers.
- Well taking care of our traditional customers, strengthening the effectiveness of participating in the fairs in domestic and overseas.
- Continuing to exploit project customers and new customers.

3. Improving the management system

- Completing vacancies in management positions, training staffs to prepare for major management positions to create the most stable value.

4. Successfully release the increase of charter capital to 120 billion VND

- Board of Executives will implement right after getting approval of the General Shareholders Meeting.

On behalf of the Duc Thanh Wood, I would like to express sincere thanks to all officers and employees, domestic and overseas counterparts, distributors, system stores and nearly 1,300 retail outlets through out the country for taking Duc Thanh Wood products to consumers. Hopefully this cooperation relationship will be closer day by day and we continue to create more value for shareholders, counterparts, customers ... in the value chain of Duc Thanh Wood in the future.

Sincere thanks and warmest regards!

On behalf of Board of Executives

General Manager



LE HONG THANG



BOARD OF SUPERVISORS

Board of Supervisory 2010-2014 has three members, in which one is participant in the management of the Company and two others are independent ones. This may helps control company's activities objectively and honestly.

1 Mr. Tran Ngoc Hung

Head of Supervisory Board



Date of birth : 11/06/1979

Education : Master of Finance, CPA

Since 4/2014 : Head of Supervisory Board of Duc Thanh Wood Processing JSC.

2014 to now : Fertilizer Binh Dien Joint Stock Company

2007 - 2014 : Viet Capital Securities (VCSC)

2005 - 2007 : Mercedes-Benz VN Joint Venture Company.

2004 - 2005 : UhlSystem VN Co., LTD.

2001 - 2004 : CP. Group

Ms. Nguyen Thi Huong Huyen

Member

2

Date of birth : 31/01/1972

Education : Bachelor of Accounting and Finance, Ho Chi Minh City University of Economics.

Since 04/2012 : Member of Supervisory Board of Duc Thanh Wood Processing JSC.

Since 2010 : Chief Accountant of Lien A International JSC

2005 - 2010 : Chief Accountant and CFO of Duc Thanh Company.

1994 - 2005 : Manager of Auditing Department of Hoa Viet Joint Venture Company



3 Ms. Truong Thi Binh

Member



Date of birth : 11/4/1971

Education : Bachelor of Foreign Language.

Since 4/2012 : Member of Supervisory Board of Duc Thanh Wood Processing JSC.

Since 11/2011 : Export Manager of Duc Thanh Company.

2009 - 11/2011 : Vice Export Manager of Duc Thanh Company.

1996 - 2009 : Sales Representative of Duc Thanh Company.

Dear Shareholders,

Board of Supervisors (BoS) of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (DTW) would like to report on the operations of BoS in 2014 and plans for 2015 as the following:

I. ACTIVITIES OF SUPERVISORS

1. Organizational structure

- In April 2014, Ms. Nguyen Kim Chinh – Head of BoS submitted resignation letters and the General Meeting of Shareholders on 26/04/2014 assigned for Mr. Tran Ngoc Hung as a member of BoS

- On 12 July 2014, BoS had a meeting and elected Mr. Tran Ngoc Hung as a Head of BoS of DTW

- In 2014, the BoS included 3 members:

1. Mr. Tran Ngoc Hung : Head of BoS
2. Ms. Nguyen Thi Huong Huyen : Member
3. Ms. Truong Thi Binh : Member

2. Activities of Supervisors

- To follow up and evaluate exactly the business operation situation during the year, BoS had quarterly meeting, evaluated practical activities and on behalf of shareholders and supervised issues that the General Meeting of Shareholders agreed to assign the Board of Directors (BoD) and Board of Executive (BoE) to carry out.

- BoS were regularly:

- Attending the meetings of BoD, so BoS had chance to know all the activities of the company for inspection and supervision as well as contributed ideas within the scope of responsibility and power of BoS about the orientation for each stage, so that BoD could use it as a basis for decision on direction in time.
- Exchanging information among the members of BoS to monitor and review activities most honestly and accurately on the basis of regulations of the company, Resolution of General Meetings of Shareholders, regulations of current law.
- Coordinating with the professional departments to receive, collect information related to the content needing to be supervised.
- Reviewing and evaluating the quarterly financial statements and the whole of 2014.
- Reviewing and evaluating the specific business performance of the orders, the overdue debt and proposing to collect the debt.
- Evaluating and monitoring the raw material warehouse of the company.
- Monitoring the compliance with Law on Enterprises, relevant Legal rules, company charter, DTW's regulations of management, GMS and BoD's Resolution.

II. THE RESULT OF SUPERVISION IN 2014

1. Financial Statement and business result

- Financial Report of the Company in 2014 was made and revealed the real economic transactions arising on the basis of standards and accounting regulations Vietnam today. Based on data of financial report in 2014:

- The financial statement of the company was increasing steadily without extraordinary case or problems that need to be noted.
- Short-term payment coefficient was increasing 2.24 times more than that in 2014 and the quick ratio of 1.6 times. Time rotation of the receivable from customers was guaranteed at less than 30 days.
- It was remarkable that the business results of the company exceeded the plan. In particular, the ability to bring high profits for shareholders stated in earnings per share (EPS) was 4.978 VND/share, increasing by 42% compared with 2013. This was effort result of all staffs and right orientation of BoD.

2. Assessment of qualifications, ability and the level of independence of the auditor

- BoD has selected the Branch of Deloitte Vietnam Company Limited as one of four units auditors proposed by the General Meeting of Shareholders to perform the audit of financial statements in 2014. Branch Deloitte Vietnam Company Limited is:

- International professional auditor company performing an independent audit and financial reporting of DTW according to the current accounting standard.
- SSC approved auditor to audit the Public Company listed on the Stock exchange.

3. The implementation of the targets for 2014 according to the General Meeting Shareholders' Resolutions

- Following the growth in 2013, DTW has promoted the positive aspects as: finding qualified materials with reasonable prices, so DTW profit rate always achieved the strategic objectives which BoM set out. Additionally, DTW also promoted brand name and product marketing through various channels to introduce to potential customers, expanding the market both in domestic and overseas. Products of higher and higher quality and diversity have given customers more belief, so business over the past year has had much advantages.

- With many competitive advantages about the quality and prestige of the DTW, besides that the administration, good executive have brought revenue in 2014 exceeding over 4% compared with the plan that the General Meeting Shareholders proposed.

Unit: Billion VND

No	Creteria	Plan	Actual	Increase
1	Total revenue	252,812	264,079	104%
	1.1 Exporting revenue	198,152	207,298	105%
	1.2 Domestic revenue	54,000	56,121	104%
	1.3 Factory lease	0,660	0,660	100%
2	Total Expense	195,387	195,752	100%
3	Profit before taxes	57,425	67,099	116%
4	Profit after taxes from operation	44,792	51,630	115%

- Based on actual profit after taxes in 2014, DTW completely has enough ability to pay dividends to shareholders according to the expected rate scheduled by Shareholders' Meeting, which is from 25% to 30% calculated on the value of shares

4. Monitoring the activities of BoD, BoE and implementing the internal administrative resolution.

4.1 Monitoring the activities of BoD, BoE

- The members of BoD, BoE already:

- Implementing the rights and duties assigned in accordance with regulations, protecting the interests of the Company and its shareholders.
- Positively and actively directing and executing the production & business and achieving a good results. The company has guaranteed employment and stable income for workers.

- The resolutions of BoD were passed with complete agreement of BoE members and were strictly and promptly implemented by BoE. The procedures for the BoD's meetings were in accordance with the regulations of law and the Charter of the Company.

- In 2014, DTW completed the investment into factory expanding in Binh Duong, and put it into operation under schedule as the direction that BoD proposed.

4.2 Evaluating the implementation of internal administrative regulations of the Company

- In order to catch the situation of production and business operations, compliance with regulations of the DTW, BoS regularly discussed with BoE, the departments and found that:

- Operation of DTW always complied with the regulations of management, strategic direction of BoD. If there were any cases of violations, DTW also had resolution to ensure safety in production and business of the Company.
- BoE and the relevant departments organized the review of inventory, strongly monitored the processing of data after inventory, timely detected and corrected errors, avoided affecting the operation of the Company.

- BoS did not find any cases of members of BoD and BoE, managers who broke law, rules, regulations administrators and other regulations of the company.

4.3 Evaluating the coordination among the BoS, BoD, BoE and the shareholders

- BoS was provided with full of information under the provisions of BoD, BoE and the professional department. BoS, along with BoD, BoE coordinated to catch operation statement of DTW, and base on that made suggestions, contributions to ensure the operation of the DTW in accordance with rules, internally regulations, the provisions of the relevant laws.

- BoS stated out problems that the company should note in the production business, and these problems were step by step corrected and improved.

- Since the Annual Meeting of Shareholders on April 26, 2014, BoS has not received any complaint and denunciation regarding to the titles of BoD, BoE as well as the production and business of the company.

5. Comments and recommendations of the Board of Supervisors

5.1 Comments

- During the process of implementation, BoS has received positive support and appreciate the working efforts of BoD and BoE as well as all employees of the Company during the past year. The business activities of the company is in right direction ; BoE is always flexible to comply with the policy and direction that BoD proposed. DTW made exceeding profit after taxes more than 15% compared with the plan that General Meeting's Shareholders proposed , and more than 42% compared with 2013.

- The rules, regulations and charter of DTW is being done well, as well operation of the Company always comply with regulations of current law in Vietnam

5. 2 Recommendations

- Besides the success that the company has achieved, BoS also have some additional recommendations as follows:

- Strengthening the management and use of wood warehouse to limit timber inventory teams which is in storage too long.
- Quickly applying new software system of human resource management in the future so that the management staffs can be more efficient.
- BoD and BoE should soon find a solution to transfer the land leasing rights of the Company in My Phuoc Industrial Park 2, Binh Duong province.

III. PLAN OF BoS FOR 2015

In 2015, BoS will continue to take their responsibilities and powers of BoS as follows:

- Attending meetings of BoD and evaluating the implementation of the resolutions and decisions of BoD.
- Checking the validity and legality of management, honesty and circumspection in the management and operation of production and business, organization of accounting, statistical and financial reporting in 2015.
- Checking the accuracy and legality of the quarterly financial reports in 2015 compared with the important changed policy about the financial accounting regime in 2015.
- Basing on the test results and recommending to BoD and BoE to improve the efficiency of the management and operation of the company.
- BoS will gradually complete the process of their activities based on the test results, monitoring the practical activities of DTW

We committe to continue working closely and developing DTW day by day and sincerely thank the trust and support of shareholders for BoS during 2014 and in the near future.

Wish the representatives, the shareholders healthy, happy and wish the general meeting successfully.

On behalf of Board of Supervisors
Head of Board of Supervisors



TRAN NGOC HUNG

• Shareholder structure on March 19th 2015

Name	ID	Address	Share	Ownership (%)
1 Ms Ha Thi Hue	020343493	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	2,460,600	23.72%
2 Mr Le Hong Thang	022768118	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	810,000	7.81%
3 Mr Le Hong Thanh	022760219	1/11F BK1, Ward Binh Khanh, Dist 2, HCMC, VN	786,660	7.58%
4 Mutual Fund Elite	CA5604	C/O PYN Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki, Finland.	1,035,000	9.98%
TOTAL			5,092,260	49.09%

 • Ownership rate of member's Directors, Supervisors and Executives on March 19th 2015

No	Name	ID	Position	Share ownership	
				Shares	Ownership
I Board of Directors and Executives					
1	Ms Le Hai Lieu	020 343 551	Chairwoman	413,429	3.99%
2	Mr Le Hong Thang	022 768 118	Vice chairperson - CEO	810,000	7.81%
3	Mr Le Hong Thanh	022 760 219	Board member - Vice GD	786,660	7.58%
4	Mr Nguyen Cong Hieu	020 343 136	Board member	5,000	0.05%
5	Mr Tran Xuan Nam	021 838 536	Board member	-	-
6	Ms Nguyen Thi Thanh Huyen	024 183 985	Director of HR	9,800	0.09%
7	Mr Che Dong Khanh	211 936 399	Vice Producing Director	-	-
8	Mr Nguyen Van Duc	020 170 371	Vice Technical Director	-	-
9	Ms Bui Phuong Thao	025 152 836	Chief Accountant	-	-
TOTAL				2,024,889	19.52%
II Supervisory board					
1	Mr Tran Ngoc Hung	025 879 041	Head of BoS	-	-
2	Ms Nguyen Thi Huong Huyen	022 824 240	Member	5,200	0.05%
3	Ms Truong Thi Binh	024 559 087	Member	880	0.01%
TOTAL				6,080	0.06%

• Share trading activities by inside shareholders

There were share trading activities by inside shareholders in 2014

 Shareholder structure on March 19th 2015

List	Local		Foreigner		Total	
	Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)
Inside Shareholders						
Board of directors and Executives	2,024,889	19.52%	-	-	2,024,889	19.52%
Supervisory board	6,080	0.06%	-	-	6,080	0.06%
Others insiders	74,060	0.71%	-	-	74,060	0.71%
Treasury shares	-	-	-	-	-	-
Total Inside Shareholders	2,105,029	20.29%	-	-	2,105,029	20.29%
Outside shareholders						
Individuals	5,644,066	54.41%	645,160	6.22%	6,289,226	60.63%
Institutions	82,830	0.80%	1,895,280	18.27%	1,978,110	19.07%
Total Outside Shareholders	5,726,896	55.21%	2,540,440	24.49%	8,267,336	79.71%
Total	7,831,925	75.51%	2,540,440	24.49%	10,372,365	100.00%



STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's financial statements for the year ended 31 December 2014.

THE BOARDS OF MANAGEMENT AND DIRECTORS

The members of the Boards of Management and Directors of the Company who held office during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Management

Ms. Le Hai Lieu	Chairman
Mr. Le Hong Thang	Vice Chairman
Mr. Le Hong Thanh	Member
Mr. Tran Xuan Nam	Member
Mr. Nguyen Cong Hieu	Member

Board of Directors

Mr. Le Hong Thang	General Director
Mr. Le Hong Thanh	Deputy General Director
Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen	Human Resource and Administration Manager

BOARD OF DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Directors of the Company is responsible for preparing the financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its results and cash flows for the year in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these financial statements, the Board of Directors is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting principles have been followed, subject to any departures disclosed and explained in the financial statements;
- prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the financial statements so as to minimize errors and frauds.

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements

For and on behalf of the Board of Directors,



Le Hong Thang
General Director
30 March 2015

No: 471/VN1A-HC-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The Shareholders, Boards of Management and Directors
Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company**

We have audited the accompanying financial statements of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 30 March 2015, as set out from page 4 to page 25, which comprise the balance sheet as at 31 December 2014, and the statement of income and statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information (collectively referred to as the "financial statements").

Board of Directors' Responsibility for the Financial Statements

The Board of Directors is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2014, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

Other Matter

The financial statements of the Company for the year ended 31 December 2013 were audited by another independent auditing company whose auditors' report dated 31 March 2014 expressed an unqualified opinion.



Vo Thai Hoa
Audit Partner
Audit Practising Registration Certificate
No. 0138-2013-001-1
For and on behalf of
Deloitte Vietnam Company Limited
30 March 2015
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam



Pham Van Tan
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 0401-2013-001-1

BALANCE SHEET

As at 31 December 2014

FORM B 01-DN
Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	31/12/2014	31/12/2013
A. CURRENT ASSETS (100=110+120+130+140+150)	100		230,638,862,930	187,585,196,741
I. Cash and cash equivalents	110	5	2,917,656,003	3,499,241,715
1. Cash	111		517,656,003	999,241,715
2. Cash equivalents	112		2,400,000,000	2,500,000,000
II. Short-term financial investments	120	6	134,100,000,000	91,000,000,000
1. Short-term investments	121		134,100,000,000	91,000,000,000
III. Short-term receivables	130		22,143,530,499	25,927,946,657
1. Trade accounts receivable	131		15,003,939,877	20,993,457,039
2. Advances to suppliers	132		5,132,039,177	3,164,875,217
3. Other receivables	135		2,007,551,445	1,769,614,401
IV. Inventories	140	7	65,747,988,721	64,376,013,886
1. Inventories	141		67,985,997,721	66,857,316,387
2. Provision for devaluation of inventories	149		(2,238,009,000)	(2,481,302,501)
V. Other short-term assets	150		5,729,687,707	2,781,994,483
1. Short-term prepayments	151		339,929,399	445,239,520
2. Value added tax deductibles	152		4,895,672,126	1,773,888,386
3. Other short-term assets	158		494,086,182	562,866,577
B. NON-CURRENT ASSETS (200=210+220+260)	200		79,069,016,953	76,181,328,670
I. Long-term receivables	210		52,757,884	-
1. Other long-term receivables	218		52,757,884	-
II. Fixed assets	220		52,598,968,793	48,616,794,778
1. Tangible fixed assets	221	8	27,606,489,574	30,215,414,183
- Cost	222		70,817,269,022	69,526,949,800
- Accumulated depreciation	223		(43,210,779,448)	(39,311,535,617)
2. Intangible assets	227	9	12,221,347,183	12,474,610,003
- Cost	228		15,019,114,013	15,019,114,013
- Accumulated amortization	229		(2,797,766,830)	(2,544,504,010)
3. Construction in progress	230	10	12,771,132,036	5,926,770,592
III. Other long-term assets	260		26,417,290,276	27,564,533,892
1. Long-term prepayments	261	11	25,554,480,884	26,766,641,526
2. Deferred tax assets	262	12	592,809,392	527,892,366
3. Other long-term assets	268		270,000,000	270,000,000
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		309,707,879,883	263,766,525,411

BALANCE SHEET (Continued)

As at 31 December 2014

FORM B 01-DN
Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	31/12/2014	31/12/2013
A. LIABILITIES (300=310+330)	300		106,106,578,036	88,999,891,397
I. Current liabilities	310		103,020,808,036	86,276,426,397
1. Short-term borrowings and liabilities	311	13	53,273,735,370	37,205,114,839
2. Trade accounts payable	312		8,437,256,164	9,769,895,826
3. Advances from customers	313		5,015,414,257	3,692,211,107
4. Taxes and amounts payable to the State budget	314	14	4,498,401,215	9,687,444,780
5. Payables to employees	315		4,894,668,877	4,824,414,000
6. Accrued expenses	316	15	19,902,634,618	18,165,144,133
7. Other current payables	319		411,689,458	455,849,966
8. Bonus and welfare funds	323		6,587,008,077	2,476,351,746
II. Long-term liabilities	330		3,085,770,000	2,723,465,000
1. Other long-term payables	333		3,085,770,000	2,723,465,000
B. EQUITY (400=410)	400		203,601,301,847	174,766,634,014
I. Owner's equity	410	16	203,601,301,847	174,766,634,014
1. Share capital	411		103,723,650,000	103,723,650,000
2. Share premium	412		2,856,593,370	2,856,593,370
3. Investment and development funds	417		9,688,104,867	9,688,104,867
4. Financial reserve fund	418		8,981,235,647	8,981,235,647
5. Retained earnings	420		78,351,717,963	49,517,050,130
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		309,707,879,883	263,766,525,411
OFF BALANCE SHEET ITEM			31/12/2014	31/12/2013
Foreign currency - United States Dollar			3,949	33,202



Le Hong Thang
General Director
30 March 2015

Handwritten signature of Bui Phuong Thao

Bui Phuong Thao
Chief Accountant

Handwritten signature of Tran Nguyen Viet Trung

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2014

ITEMS	Codes	Notes	FORM B 02-DN Unit: VND	
			2014	2013
1. Gross revenue	01		265,150,085,832	238,360,193,177
2. Deductions	02		1,070,893,162	993,263,788
3. Net revenue (10=01-02)	10	17	264,079,192,670	237,366,929,389
4. Cost of sales	11		172,246,595,661	156,792,641,530
5. Gross profit (20=10-11)	20		91,832,597,009	80,574,287,859
6. Financial income	21	20	7,499,097,817	6,733,271,541
7. Financial expenses	22	21	1,900,227,907	2,210,703,635
8. Selling expenses	24		15,278,551,032	13,829,152,229
9. General and administration expenses	25		17,785,949,975	20,487,138,317
10. Operating profit (30=20+(21-22)-(24+25))	30		64,366,965,912	50,780,565,219
11. Other income	31		3,609,982,146	2,708,583,135
12. Other expenses	32		877,529,232	1,780,753,651
13. Profit from other activities (40=31-32)	40	22	2,732,452,914	927,829,484
14. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		67,099,418,826	51,708,394,703
15. Current corporate income tax expense	51	23	15,533,571,038	14,191,657,228
16. Deferred corporate tax (income)/expense	52	12	(64,917,026)	1,152,970,341
17. Profit after tax (60=50-51-52)	60		<u>51,630,764,814</u>	<u>36,363,767,134</u>



Le Hong Thang
General Director
30 March 2015

Bui Phuong Thao
Chief Accountant

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

CASH FLOW STATEMENT

For the year ended 31 December 2014

FORM B 03-DN
Unit: VND

ITEMS	Codes	FORM B 03-DN Unit: VND	
		2014	2013
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	67,099,418,826	51,708,394,703
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortization	02	4,448,953,973	5,701,863,486
Provisions	03	(243,293,501)	1,481,302,501
Unrealized foreign exchange loss/(gain)	04	164,830,897	(178,712,130)
Gain from investing activities	05	(6,912,929,949)	(5,734,219,479)
Interest expenses	06	889,581,412	1,101,597,106
3. Operating profit before movements in working capital	08	65,446,561,658	54,080,226,187
Changes in receivables	09	1,277,806,007	(957,846,188)
Changes in inventories	10	(1,128,681,334)	(1,541,733,647)
Changes in accounts payable	11	2,108,213,282	6,110,521,662
Changes in prepaid expenses	12	1,317,470,763	1,457,195,904
Interest paid	13	(889,581,412)	(1,115,009,459)
Corporate income tax paid	14	(20,758,498,467)	(10,390,440,445)
Other cash inflows	15	-	116,719,000
Other cash outflows	16	(1,052,420,150)	(4,517,320,000)
Net cash from operating activities	20	46,320,870,347	43,242,313,014
II. CASH FLOWS USED IN INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition of fixed assets and other long-term assets	21	(8,667,055,531)	(2,410,193,573)
2. Proceeds from sales of fixed assets	22	188,363,851	1,304,053,046
3. Cash outflows for bank deposits	23	(43,100,000,000)	(43,100,000,000)
4. Interest income received	27	6,473,543,728	4,619,949,633
Net cash used in investing activities	30	(45,105,147,952)	(39,586,190,894)
III. CASH FLOWS USED IN FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	128,383,741,363	99,181,288,283
2. Repayment of borrowings	34	(112,626,175,560)	(115,705,462,340)
3. Dividends paid	36	(17,622,264,600)	(18,665,798,400)
Net cash used in financing activities	40	(1,864,698,797)	(35,189,972,457)
Net decrease in cash (50=20+30+40)	50	(648,976,402)	(31,533,850,337)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	3,499,241,715	34,976,093,331
Effect of changes in foreign exchange rates	61	67,390,690	56,998,721
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	2,917,656,003	3,499,241,715



Le Hong Thang
General Director
30 March 2015

Bui Phuong Thao
Chief Accountant

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

1. GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the "Company") was incorporated in Vietnam under Business Registration Certificate No. 0301449014 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 13 January 2012, as amended. This Business Registration Certificate has amended the Business Registration Certificate No. 4103000126 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 August 2000, as amended.

The number of employees as at 31 December 2014 was 948 (as at 31 December 2013: 1,021).

Principal activities

The principal activities of the Company are to produce household wooden products, broom sticks, flag sticks, plywood, and wooden toys.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying financial statements, expressed in Vietnam Dong ("VND"), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 1 January and ends on 31 December.

3. NEW ACCOUNTING GUIDANCE IN ISSUE NOT YET ADOPTED

On 22 December 2014, the Ministry of Finance issued Circular No. 200/2014/TT-BTC ("Circular 200") guiding the application of accounting regime for enterprises. This Circular is effective for financial years beginning on or after 01 January 2015. Circular 200 will supersede the regulations for accounting regime promulgated under Decision No. 15/2006/QĐ-BTC dated 20 March 2006 issued by the Ministry of Finance and Circular No. 244/2009/TT-BTC dated 31 December 2009 issued by the Ministry of Finance. The Board of Directors is considering the extent of impact of the adoption of this Circular on the Company's financial statements for future accounting periods.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Directors' best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Financial instruments

Initial recognition

Financial assets: At the date of initial recognition, financial assets are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, short-term financial investments, trade and other receivables, and deposits.

Financial liabilities: At the date of initial recognition financial liabilities are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities. Financial liabilities of the Company comprise borrowings, trade and other payables and accrued expenses.

Subsequent measurement after initial recognition

Currently, there are no requirements for the subsequent measurement of the financial instruments after initial recognition.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Provision for doubtful debts

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method. Net realizable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realizable values as at the balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use. Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	10 - 25
Machinery and equipment	4 - 12
Motor vehicles	3 - 9
Office equipment	6 - 10

Leasing

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the lessing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the term of the relevant lease.

Intangible assets and amortization

Intangible assets represent land use rights and computer software which are stated at cost less accumulated amortization.

Definite-term land use rights are amortized on a straight-line basis over the duration of the right to use the land. Indefinite-term land use rights are not amortized. Computer software is amortized on a straight-line basis over 3 years.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for the purposes not yet determined, are carried at cost. Depreciation of these assets, on the same basis as other property assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Long-term prepayments

Long-term prepayments comprise land clearance costs and prepaid land rental for land lots located in My Phuoc 2 Industrial Park and My Phuoc 3 Industrial Park, Binh Duong Province and other types of long-term prepayments.

Prepaid land rental and related land clearance costs are charged to the income statement using the straight-line method over the lease term. Other types of long-term prepayments comprise cost of small tools, supplies and repair expenses which are expected to provide future economic benefits to the Company for more than one year. These expenditures have been capitalized as long-term prepayments and are allocated to the income statement using the straight-line method over the period from two to four years.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- the amount of revenue can be measured reliably;
- it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Severance allowance payable

The severance allowance for employees is accrued at the end of each reporting period for all employees having worked at the Company for more than 12 months as of 31 December 2008 with the allowance made for each year of service up to 31 December 2008 equalling to a half of an average monthly salary under the Vietnamese Labour Code, Social Insurance Code and relevant guiding documents. The average monthly salary used for calculation of severance allowance shall be adjusted to be the average of the six consecutive months nearest to the date of the financial statements at the end of each reporting period. The increase or decrease in the accrued amount shall be recorded in the income statement.

Foreign currencies

The Company applies the method of recording foreign exchange differences in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 10 (VAS 10) "Effects of changes in foreign exchange rates" and Circular No. 179/2012/TT-BTC dated 24 October 2012 of the Ministry of Finance providing guidance on recognition, measurement and treatment of foreign exchange differences in enterprises. Accordingly, transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognized in the income statement. Unrealised exchange gains as at the balance sheet date are not treated as part of distributable profit to shareholders.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognized in the income statement when incurred.

Provisions

Provisions are recognized when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Board of Directors' best estimate of the expenditure required to settle the obligation at the balance sheet date.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from net profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cash on hand	27,684,307	99,601,972
Cash in bank	489,971,696	899,639,743
Cash equivalents	2,400,000,000	2,500,000,000
	<u>2,917,656,003</u>	<u>3,499,241,715</u>

Cash equivalents represents for short-term bank deposits with original maturity of one month. These fixed term deposits earn interest of 4.8% per annum.

6. SHORT-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

Short-term financial investments represent time deposits in VND in commercial banks with original maturity from more than three months to one year, earning interests at the rate from 5.3% to 8.0% per annum (as at 31 December 2013: 6.8% to 9.0% per annum).

7. INVENTORIES

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Raw materials	45,025,272,771	45,509,488,846
Tools and supplies	1,624,870,522	2,921,470,239
Work-in-progress	9,771,777,769	5,893,506,046
Finished goods	10,268,355,101	12,532,851,256
Goods on consignment	1,295,721,558	-
	<u>67,985,997,721</u>	<u>66,857,316,387</u>
Provision for devaluation of inventories	(2,238,009,000)	(2,481,302,501)
	<u>65,747,988,721</u>	<u>64,376,013,886</u>

During the year, an amount of VND 57,228,948 was provided for devaluation of inventories (2013: VND 1,481,302,501 was provided for devaluation of inventories).

8. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Total VND
COST					
As at 01/01/2014	33,074,144,316	30,099,062,339	5,136,608,178	1,217,134,967	69,526,949,800
Additions	64,350,000	1,616,647,727	-	-	1,680,997,727
Disposals	-	(390,678,505)	-	-	(390,678,505)
As at 31/12/2014	<u>33,138,494,316</u>	<u>31,325,031,561</u>	<u>5,136,608,178</u>	<u>1,217,134,967</u>	<u>70,817,269,022</u>
ACCUMULATED DEPRECIATION					
As at 01/01/2014	13,340,558,952	23,295,657,809	1,531,298,640	1,144,020,216	39,311,535,617
Charge for the year	1,581,143,579	1,977,346,282	590,696,220	46,505,072	4,195,691,153
Eliminated on disposals	-	(296,447,322)	-	-	(296,447,322)
As at 31/12/2014	<u>14,921,702,531</u>	<u>24,976,556,769</u>	<u>2,121,994,860</u>	<u>1,190,525,288</u>	<u>43,210,779,448</u>
NET BOOK VALUE					
As at 31/12/2014	<u>18,216,791,785</u>	<u>6,348,474,792</u>	<u>3,014,613,318</u>	<u>26,609,679</u>	<u>27,606,489,574</u>
As at 31/12/2013	<u>19,733,585,364</u>	<u>6,803,404,530</u>	<u>3,605,309,538</u>	<u>73,114,751</u>	<u>30,215,414,183</u>

The cost of the Company's tangible fixed assets included VND 14,838,080,615 (as at 31 December 2013: VND 16,361,349,920) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

As noted further in Note 13, the Company has pledged its buildings with a carrying value of approximately VND 12,776,383,792 as at 31 December 2014 (as at 31 December 2013: VND 13,549,648,216) to secure banking facilities granted to the Company.

9. INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights VND	Software VND	Total VND
COST			
As at 01/01/2014	14,917,549,433	101,564,580	15,019,114,013
As at 31/12/2014	<u>14,917,549,433</u>	<u>101,564,580</u>	<u>15,019,114,013</u>
AMORTIZATION			
As at 01/01/2014	2,442,939,430	101,564,580	2,544,504,010
Charge for the year	253,262,820	-	253,262,820
As at 31/12/2014	<u>2,696,202,250</u>	<u>101,564,580</u>	<u>2,797,766,830</u>
NET BOOK VALUE			
As at 31/12/2014	<u>12,221,347,183</u>	<u>-</u>	<u>12,221,347,183</u>
As at 31/12/2013	<u>12,474,610,003</u>	<u>-</u>	<u>12,474,610,003</u>

The carrying amount of land use rights as at 31 December 2014 was as follows:

- Indefinite-term land use rights at 21/6D Phan Huy Ich Street, Ward 14, Go Vap District, Ho Chi Minh City with the carrying amount of VND 2,100,813,399 (as at 31 December 2013: VND 2,100,813,399), which are not amortized in accordance with prevailing regulations.

- Definite-term land use rights in Parcels of 835, Map No. 7, Tan Hiep Ward, Tan Uyen District, Binh Duong Province with the carrying amount of VND 5,999,999,988 (as at 31 December 2013: VND 6,166,666,656), which are amortized over 45 years in accordance with land use right certificate issued by Binh Duong Province People's Committee on 13 October 2005. As noted further in Note 13, the Company has pledged these land use rights to secure banking facilities granted to the Company.

- Definite-term land use rights in Parcels of 1130, Map No. 7, Tan Hiep Ward, Tan Uyen District, Binh Duong Province with the carrying amount of VND 4,120,533,791 (as at 31 December 2013: VND 4,207,129,948), which are amortized over 50 years in accordance with land use right certificate issued by Binh Duong Province People's Committee on 21 April 2012.

10. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Purchase of machinery	538,119,000	679,815,360
Construction costs for factory at My Phuoc 2 Industrial Park, Binh Duong Province	4,970,395,296	5,246,955,232
Construction costs for factory at Tan Uyen District, Binh Duong Province	7,262,617,740	-
	<u>12,771,132,036</u>	<u>5,926,770,592</u>

According to the Board of Management's meeting minute dated 29 April 2010, the Company's Board of Management has approved the plan to transfer the land and factory facilities in My Phuoc 2 Industrial Park, Ben Cat District, Binh Duong Province due to changes in business strategies. The Company is seeking for an appropriate partner for the transfer

11. LONG-TERM PREPAYMENTS

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Land clearance costs and prepaid land rental in My Phuoc 2 Industrial Park	23,654,146,598	24,242,787,401
Prepaid land rental at My Phuoc 3 Industrial Park	1,186,633,225	1,215,047,113
Others	713,701,061	1,308,807,012
	<u>25,554,480,884</u>	<u>26,766,641,526</u>

12. DEFERRED TAX ASSETS

The followings are the major deferred tax liabilities and assets recognized by the Company, and the movements thereon, during the current and prior year.

	Severance allowances VND	Unrealized foreign exchange differences VND	Accruals VND	Others VND	Total VND
As at 1/1/2013	560,018,750	(23,353,327)	300,764,538	843,432,746	1,680,862,707
Charge for the year	(5,987,250)	(7,625,807)	(295,924,538)	(843,432,746)	(1,152,970,341)
As at 31/12/2013	554,031,500	(30,979,134)	4,840,000	-	527,892,366
Credit/(charge) for the year	78,288,100	(8,531,074)	(4,840,000)	-	64,917,026
As at 31/12/2014	<u>632,319,600</u>	<u>(39,510,208)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>592,809,392</u>

13. SHORT-TERM BORROWINGS AND LIABILITIES

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Commonwealth Bank of Australia - Ho Chi Minh City Branch ("Commonwealth Bank")	32,103,331,420	21,129,109,820
Joint Stock Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch ("Vietcombank")	21,170,403,950	3,010,389,579
Joint Stock Bank for Vietnam Import Export - Transaction Office No.1 ("Eximbank")	-	13,065,615,440
	<u>53,273,735,370</u>	<u>37,205,114,839</u>

Short-term borrowings from Commonwealth Bank represent loans in USD with the credit limit of USD 2,000,000 under the loan agreement no. 600812039/LC-CBAVN dated 13 February 2012. The loans are secured by land use rights and assets associated with land in Tan Uyen District, Binh Duong Province (see further in Note 8 and 9). The loans bear interest rates ranging from 1.7% to 1.9% per annum and interest is paid on monthly basis. These loans are repayable within 180 days for each drawdown.

Short-term borrowings from Vietcombank represent loans in USD with the credit limit of VND 50,000,000,000 under loan agreement no. 0221/KH/14NH dated 04 October 2014. The loans are secured by the deposits at Vietcombank. The loans bear interest rates subject to each drawdown and interest is paid on monthly basis. These loans will be paid within 6 months for each drawdown.

14. TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO STATE BUDGET

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Value added tax	273,414,716	409,288,259
Corporate income tax	4,101,461,823	9,198,995,761
Personal income tax	123,524,676	79,160,760
	<u>4,498,401,215</u>	<u>9,687,444,780</u>

15. ACCRUED EXPENSES

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Salary and bonus	12,131,820,000	11,486,809,000
Land rental fees	6,074,417,473	5,096,624,473
Others	1,696,397,145	1,581,710,660
	<u>19,902,634,618</u>	<u>18,165,144,133</u>

16. SHAREHOLDERS' EQUITY
Movement of shareholders' equity

	Share capital VND	Share premium VND	Investment and development funds VND	Financial reserve fund VND	Retained earnings VND	Total VND
As at 01/01/2013	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	35,459,916,710	160,709,500,594
Profit for the year	-	-	-	-	36,363,767,134	36,363,767,134
Dividends declared	-	-	-	-	(18,670,257,000)	(18,670,257,000)
Transferred to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(3,636,376,714)	(3,636,376,714)
As at 31/12/2013	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	49,517,050,130	174,766,634,014
Profit for the year	-	-	-	-	51,630,764,814	51,630,764,814
Dividends declared	-	-	-	-	(17,633,020,500)	(17,633,020,500)
Transferred to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(5,163,076,481)	(5,163,076,481)
As at 31/12/2014	103,723,650,000	2,856,593,370	9,688,104,867	8,981,235,647	78,351,717,963	203,601,301,847

According to the Resolution of Shareholders' Meeting dated 13 April 2013, the Board of Management approved a dividend payout of 25% of par value out of 2013 profit, for an amount of VND 25,930,912,500. Accordingly, in 2013, the Company had declared these dividends of 18% of par value of shares for an amount of VND 18,670,257,000 and actually paid an amount of VND 18,658,868,400. According to the Resolution of Shareholders' Meeting dated 26 April 2014, the Company has declared the remaining dividends of 7% of par value of shares for an amount of VND 7,260,655,500.

According to the Resolution of Shareholders' Meeting dated 26 April 2014 and Resolution of Board of Management dated 2 October 2014, the Company had declared a dividend payout of 10% of par value of 2014 profit for an amount of VND 10,372,365,000. The Company had paid these dividends of VND 17,622,264,600 during the year ended 31 December 2014.

In addition, the Company has appropriated bonus and welfare fund at 10% of profit after tax in accordance with the Resolution dated 26 April 2014.

	31/12/2014	31/12/2013
Shares		
Shares authorized to be issued	10,372,365	10,372,365
Shares issued and fully contributed	10,372,365	10,372,365
Ordinary shares	10,372,365	10,372,365
Outstanding shares	10,372,365	10,372,365
Ordinary shares	10,372,365	10,372,365
Par value (VND)	10,000	10,000

The Company has one class of ordinary shares which carries no right to fixed income. The shareholders of ordinary shares are entitled to receive dividends as declared from time to time and are entitled to one vote per share at the Company's shareholders' meetings. All shares rank equally with regard to the Company's net assets.

17. NET REVENUE

	2014 VND	2013 VND
Net revenue from sales of goods	263,419,192,670	236,683,363,027
Net revenue from rendering of services	660,000,000	683,566,362
	264,079,192,670	237,366,929,389

18. SEGMENT REPORTING

A segment is a component determined separately by the Company which is engaged in providing products or related services (business segment), or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and returns that are predominantly different from those of other segments. As the Company's revenue and profit are derived mainly from production and sales of household wooden products and wooden toys with no predominant effect on the risks and rates of returns of these products, the Board of Directors accordingly believes that the Company operates in a sole business segment of production and sales of wooden products. Furthermore, although the Company has generated revenue from domestic sales and export sales, no geographical segment is necessary to be disclosed since there is no predominantly different in risks and rates of returns of these two sales activities.

19. OPERATION COST BY NATURE

	2014 VND	2013 VND
Raw materials and consumables	100,735,835,065	107,940,492,651
Labour	83,894,820,391	54,459,616,449
Depreciation and amortization	4,448,953,973	5,701,863,486
Out-sourced services	21,874,270,222	8,012,805,777
Other expenses	2,079,223,094	14,994,153,713
	213,033,102,745	191,108,932,076

20. FINANCIAL INCOME

	2014 VND	2013 VND
Bank interest income	6,960,493,641	5,666,998,768
Realized foreign exchange gains	452,928,190	811,467,427
Unrealised foreign exchange gain	-	178,712,130
Payment discount	85,675,986	76,093,216
	7,499,097,817	6,733,271,541

21. FINANCIAL EXPENSES

	2014 VND	2013 VND
Interest expenses	889,581,412	1,101,597,106
Realized foreign exchange losses	845,815,598	1,108,414,229
Unrealized foreign exchange losses	164,830,897	-
Payment discount	-	692,300
	1,900,227,907	2,210,703,635

22. PROFIT FROM OTHER ACTIVITIES

	2014 VND	2013 VND
Scrap sales	2,237,309,545	1,170,752,953
Proceed from disposal of assets	644,728,805	1,304,053,046
Others	727,943,796	233,777,136
Other income	3,609,982,146	2,708,583,135
Net book value of assets disposed	799,545,247	1,236,832,335
Others	77,983,985	543,921,316
Other expenses	877,529,232	1,780,753,651
Profit from other activities	2,732,452,914	927,829,484

23. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	2014 VND	2013 VND
Profit before tax	67,099,418,826	51,708,394,703
Adjustments for taxable income		
Less: non-taxable income	(179,591,855)	(47,400,935)
Add back: non-deductible expenses	4,332,323,811	5,856,381,802
Taxable income	71,252,150,782	57,517,375,570
Tax rate	22%	25%
Current corporate income tax expense	15,675,473,172	14,379,343,893
Less: payment for female employees	(55,800,000)	(72,600,000)
Adjustments for corporate income tax of previous year	(86,102,134)	(115,086,665)
Current corporate income tax expense for the year	15,533,571,038	14,191,657,228

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 22% (2013: 25%) of its taxable income under the prevailing tax regulations.

24. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of the basic earnings per share is based on the following data:

	2014 VND	2013 VND
Profit after tax	51,630,764,814	36,363,767,134
Profit attributable to the ordinary shareholders	51,630,764,814	36,363,767,134
Weighted average number of ordinary shares in issue	10,372,365	10,372,365
Basic earnings per share	4,978	3,506

25. CONTINGENT LIABILITIES

In 2014, the local tax authority has performed tax audit on the Company's corporate income tax for the years from 2008 to 2011. Currently, the Company is working with the tax authority and other relevant authorities to finalize the tax audit results. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts of corporate income tax expense and payable as being reported in the Company's financial statements for the year ended 31 December 2014 are subject to changes upon final decision made by the tax authority.

26. CAPITAL EXPENDITURE COMMITMENTS

As at 31 December 2014, the Company entered into a contract to purchase machinery and build factory in Tan Uyen District, Binh Duong Province with an amount of VND 2,577,341,644 (as at 31 December 2013: VND 474,248,600).

27. OPERATING LEASE COMMITMENTS

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Minimum lease payments under operating leases recognized in the income statement for the year	2,381,793,000	2,948,515,321

At the balance sheet date, the Company had outstanding commitments under non-cancelable operating leases, which fall due as follows:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Within one year	1,964,415,366	2,136,985,880
In the second to fifth year inclusive	5,526,076,832	4,941,943,519
After five years	33,972,012,263	35,662,935,589
	<u>41,462,504,461</u>	<u>42,741,864,988</u>

Operating lease payments represent:

- Total rentals payable for renting 4,877 m² of land in My Phuoc 3 Industrial Zone, Binh Duong Province at the annual rental charge of USD 0.2/m² and monthly estate management charge of USD 0.02/m², commencing from the issuance date of the Business Registration Certificate. The land rental charge is fixed for the period of 5 years and paid twice a year. Rental cost of the land and estate management charge are subject to adjustment for increase every 5 year but do not exceed 15% and 20%, respectively, in comparison to the previous five-year period. The land lease has been effective from 15 December 2006 to 30 June 2056.
- Total rentals and estate management charge payable for renting 100,000 m² of land in My Phuoc 2 Industrial Zone, Binh Duong Province at the annual rental charge of USD 0.2/m² (commencing from 1 September 2005) and monthly estate management charge of USD 0.02/m² (commencing from 1 January 2006). The land rental charge is fixed for the period of 5 years. The rental charge and estate management charge are subject to adjustment for increase every 5 year but do not exceed 15% and 20%, respectively, in comparison to the previous five-year period. The Company is entitled to land rental exemption for 5 years if more than 80% of its products are consecutively exported during its operation duration. The land lease has been effective from 10 August 2007 to 14 January 2055.
- Total rentals payable for renting 7,450 m² of land in Phu An Ward, Ben Cat District, Binh Duong Province at the rental charge of VND 22,000,000 per month effective from 1 January 2010. This land lease has been effective for 10 years from 1 January 2007 to 31 December 2016.
- Total rentals payable for renting house at 172 Nguyen Van Troi Street, Ward 8, Phu Nhuan District at monthly rental charge of VND 50,000,000 from 7 July 2012 to 30 June 2014 and increased up to VND 60,000,000 from 1 July 2014. This lease has been effective from 7 July 2012 to 30 June 2016.
- Total rentals payable for renting house in Phu My Hung, District 7, at monthly rental charge of VND 40,000,000. This lease is effective from 1 July 2012 to 31 December 2014.

28. FINANCIAL INSTRUMENTS

Capital risk management

The Company manages its capital to ensure that the Company will be able to continue as a going concern while maximising the return to shareholders through the optimisation of the debt and equity balance.

The capital structure of the Company consists of net debt (borrowings as disclosed in Note 13, offset by cash and cash equivalents) and equity attributable to shareholders (comprising share capital, share premium, funds and retained earnings).

Gearing ratio

The gearing ratio of the Company as at the balance sheet date was as follows:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Borrowings	53,273,735,370	37,205,114,839
Less: Cash and cash equivalents	2,917,656,003	3,499,241,715
Net debt	50,356,079,367	33,705,873,124
Equity	203,601,301,847	174,766,634,014
Net debt to equity ratio	<u>0.25</u>	<u>0.19</u>

Significant accounting policies

Details of the significant accounting policies and methods adopted (including the criteria for recognition, the bases of measurement, and the bases for recognition of income and expenses) for each class of financial asset, financial liability and equity instrument are disclosed in Note 4.

Categories of financial instruments

	Carrying amount	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Financial assets		
Cash and cash equivalents	2,917,656,003	3,499,241,715
Short-term financial investments	134,100,000,000	91,000,000,000
Trade and other receivables	16,941,346,340	22,763,071,440
Deposits	270,000,000	270,000,000
	<u>154,229,002,343</u>	<u>117,532,313,155</u>
Financial liabilities		
Borrowings	53,273,735,370	37,205,114,839
Trade and other payables	8,648,846,164	9,975,035,826
Accruals	7,770,814,618	7,134,185,099
	<u>69,693,396,152</u>	<u>54,314,335,764</u>

The Company has not assessed fair value of its financial assets and liabilities as at the balance sheet date since there are no comprehensive guidance under Circular No. 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 06 November 2009 ("Circular 210") and other relevant prevailing regulations to determine fair value of these financial assets and liabilities. While Circular 210 refers to the application of International Financial Reporting Standards ("IFRS") on presentation and disclosures of financial instruments, it did not adopt the equivalent guidance for the recognition and measurement of financial instruments, including application of fair value, in accordance with IFRS.

Financial risk management objectives

The Company has set up risk management system to identify and assess the risks exposed by the Company and designed control policies and procedures to manage those risks at an acceptable level. Risk management system is reviewed on a regular basis to reflect changes in market conditions and the Company's operations.

Financial risks include market risk (including foreign currency risk and interest rate risk), credit risk and liquidity risk.

Market risk

The Company's activities expose it primarily to the financial risks of changes in foreign currency exchange rates and interest rates. The Company does not hedge these risk exposures due to the lack of any market to purchase financial instruments.

Foreign currency risk management

The Company undertakes certain transactions denominated in foreign currencies; consequently, exposures to exchange rate fluctuations arise. The carrying amounts of the Company's foreign currency denominated monetary assets and monetary liabilities at the end of the reporting year are as follows:

	Assets		Liabilities	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
USD	12,793,694,062	14,258,735,133	53,273,735,370	37,205,114,839

Foreign currency sensitivity analysis

The Company is mainly exposed to USD. 2% is the sensitivity rate used when reporting foreign currency risk internally to the Board of Directors and represents the Board of Directors' assessment of the reasonably possible change in foreign exchange rates. The sensitivity analysis includes only outstanding foreign currency denominated monetary items and adjusts their translation at the period end for a 2% change in foreign currency rates. For a 2% increase/decrease in USD against VND, the profit before tax in the year would decrease/ increase by VND 809,600,826 (2013: VND 458,927,594).

Interest rate risk management

The Company has significant interest rate risks arising from interest bearing loans which are arranged. The risk is managed by the Company by maintaining an appropriate level of borrowings and analysing market competition to enjoy favourable interest rates from appropriate lenders.

Interest rate sensitivity

Assuming all other variables were held constant and the loan balance at the balance sheet date were the outstanding amount for the whole year, if interest rates had been increased/decreased by 20 basis points, the Company's profit before tax for the year ended 31 December 2014 would have decreased/increased by VND 106,547,471 (2013: VND 74,410,230).

Credit risk

Credit risk refers to the risk that counterparty will default on its contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The Company has a credit policy in place and the exposure to credit risk is monitored on an ongoing basis. The Company does not have any significant credit risk exposure to any counterparty because receivables consist of a large number of customers, spread across diverse industries and geographical areas.

Liquidity risk management

The purpose of liquidity risk management is to ensure the availability of funds to meet present and future financial obligations. Liquidity is also managed by ensuring that the excess of maturing liabilities over maturing assets in any year is kept to manageable levels relative to the amount of funds that the Company believes can generate within that year. The Company policy is to regularly monitor current and expected liquidity requirements to ensure that the Company maintains sufficient reserves of cash, borrowings and adequate committed funding from its shareholders to meet its liquidity requirements in the short and longer term.

The following table details the Company's remaining contractual maturity for its non-derivative financial assets and financial liabilities with agreed repayment years. The tables have been drawn up based on the undiscounted cash flows of financial assets and undiscounted cash flows of financial liabilities based on the earliest date on which the Company can be required to pay. The inclusion of information on non-derivative financial assets is necessary in order to understand the Company's liquidity risk management as the liquidity is managed on a net asset and liability basis.

31/12/2014	Less than 1 year VND	From 1- 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	2,917,656,003	-	2,917,656,003
Short-term financial investments	134,100,000,000	-	134,100,000,000
Trade and other receivables	16,941,346,340	-	16,941,346,340
Deposits	-	270,000,000	270,000,000
	<u>153,959,002,343</u>	<u>270,000,000</u>	<u>154,229,002,343</u>
Borrowings	53,273,735,370	-	53,273,735,370
Trade and other payables	8,648,846,164	-	8,648,846,164
Accruals	7,770,814,618	-	7,770,814,618
	<u>69,693,396,152</u>	<u>-</u>	<u>69,693,396,152</u>
Net liquidity gap	<u>84,265,606,191</u>	<u>270,000,000</u>	<u>84,535,606,191</u>
31/12/2013	Less than 1 year VND	From 1- 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	3,499,241,715	-	3,499,241,715
Short-term financial investments	91,000,000,000	-	91,000,000,000
Trade and other receivables	22,763,071,440	-	22,763,071,440
Deposits	-	270,000,000	270,000,000
	<u>117,262,313,155</u>	<u>270,000,000</u>	<u>117,532,313,155</u>
Borrowings	37,205,114,839	-	37,205,114,839
Trade and other payables	9,975,035,826	-	9,975,035,826
Accruals	7,134,185,099	-	7,134,185,099
	<u>54,314,335,764</u>	<u>-</u>	<u>54,314,335,764</u>
Net liquidity gap	<u>62,947,977,391</u>	<u>270,000,000</u>	<u>63,217,977,391</u>

The Board of Directors assessed the liquidity risk at low level. The Board of Directors believes that the Company will be able to generate sufficient funds to meet its financial obligations as and when they fall due.

29. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

During the year, the Company entered into the following significant transactions with the Company's Board of Directors:

	2014 VND	2013 VND
Advance for purchasing land use right and factory in Phu An commune to Mr. Le Hong Thang - General Director	3,500,000,000	-
Payment for factory rental in Phu An commune - Mr. Le Hong Thang - General Director	264,000,000	264,000,000

Remuneration paid to the Company's Boards of Management and Directors during the year was as follows:

	2014 VND	2013 VND
Salaries and bonus	2,214,932,000	2,269,965,000

The balance with the Company's Board of Directors as at the balance sheet date were as follows:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Advance for purchasing land use right and factory in Phu An commune – Mr. Le Hong Thang- General Director	3,500,000,000	-

30. APPROVAL OF ISSUANCE FINANCIAL STATEMENTS

The Company's financial statements for the year ended 31 December 2014 were approved for issuance by the Board of Management on 30 March 2015.



Le Hong Thang
General Director
30 March 2015

Bui Phuong Thao
Chief Accountant

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer



Learning by playing
Intelligence and creativity
Imagination stimulus, creative thinking.



www.winwintoys.com